




Dell S3422DWG

SỔ hướng dẫn sử dụng

Mẫu màn hình: S3422DWG
Mẫu quy chuẩn: S3422DWGc



-  **LƯU Ý: LƯU Ý** cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng máy tính hiệu quả hơn.
-  **CHÚ Ý: CHÚ Ý** cho biết khả năng thiệt hại phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu bạn không tuân thủ các hướng dẫn.
-  **CẢNH BÁO: CẢNH BÁO** cho biết khả năng bị hư hỏng tài sản, thương tật cá nhân hoặc tử vong.

Bản quyền © 2021 Dell Inc. hoặc của các công ty con liên quan. Bảo lưu mọi bản quyền. Dell, EMC và các thương hiệu khác là các thương hiệu của Dell Inc. hoặc của các công ty con liên quan. Các thương hiệu khác có thể là thương hiệu của các đơn vị sở hữu liên quan.

2021 – 07

Bản sửa đổi A02



Mục lục

Hướng dẫn an toàn	6
Giới thiệu về màn hình	7
Phụ kiện đóng gói	7
Tính năng sản phẩm	9
Nhận biết các bộ phận và nút điều khiển	11
Mặt trước	11
Mặt sau	12
Mặt bên cạnh	13
Mặt dưới	13
Thông số kỹ thuật màn hình	16
Thông số kỹ thuật độ phân giải	18
Chế độ video hỗ trợ	18
Chế độ hiển thị cài sẵn	19
Thông số kỹ thuật điện	27
Đặc tính vật lý	29
Đặc tính môi trường	30
Tính năng Cắm Là Chạy	31
Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD	31
Thiết kế công thái học	32
Cầm nắm và di chuyển màn hình	34
Hướng dẫn bảo dưỡng	35
Vệ sinh màn hình	35



Lắp đặt màn hình	36
Cắm giá đỡ	36
Kết nối màn hình	37
Cắm cáp HDMI, DP 1.4 và USB 3.0	38
Bộ trí các loại cáp	38
Giữ chặt màn hình bằng khóa Kensington (tùy chọn)	39
Tháo giá đỡ.	40
Giá treo tường (tùy chọn).	41
Sử dụng màn hình	43
Bật nguồn màn hình	43
Sử dụng điều khiển nút chuyển hướng	43
Mô tả nút chuyển hướng	44
Sử dụng các nút điều khiển mặt sau	44
Sử dụng menu Hiển thị Trên Màn hình (OSD)	45
Truy cập hệ thống menu	45
Thông tin cảnh báo OSD	57
Thiết lập màn hình của bạn	61
Cài đặt độ phân giải tối đa	61
Nếu bạn sử dụng máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell có kết nối internet	61
Nếu bạn có máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc card đồ họa không phải của Dell	62
Sử dụng tính năng mở rộng nghiêng và dọc	63
Mở rộng nghiêng	63
Kéo dài chiều dọc	63



Khắc phục sự cố	64
Tự kiểm tra	64
Chẩn đoán tích hợp	66
Các sự cố thường gặp.	67
Sự cố liên quan đến sản phẩm.	71
Phụ lục	72
Hướng dẫn an toàn	72
Thông báo FCC (chỉ áp dụng ở Mỹ) và thông tin quy định khác.	72
Liên hệ với Dell.	73
Nguy cơ về sự ổn định.	74



Hướng dẫn an toàn

△ CHÚ Ý: Sử dụng các nút điều khiển, điều chỉnh hoặc các quy trình khác ngoài các quy trình được nêu rõ trong tài liệu này có thể khiến người dùng dễ bị điện giật, gặp các rủi ro về điện và/hoặc cơ học.

- Đặt màn hình trên bề mặt chắc chắn và cầm giữ cẩn thận. Màn hình dễ vỡ và có thể bị hỏng nếu bị rơi hoặc va đập mạnh.
- Luôn đảm bảo rằng màn hình được phân loại về điện để hoạt động với nguồn AC có sẵn tại khu vực của bạn.
- Đặt màn hình trong môi trường nhiệt độ phòng. Điều kiện lạnh hoặc nóng quá mức có thể có ảnh hưởng xấu đến tinh thể lỏng của màn hình.
- Không đặt màn hình ở nơi bị rung động hoặc tạc động mạnh. Ví dụ: không đặt màn hình bên trong cốp xe ô tô.
- Rút phích cắm màn hình khi không sử dụng trong một thời gian dài.
- Để tránh bị điện giật, không thử tháo bất kỳ nắp đậy nào hoặc chạm vào bên trong màn hình.



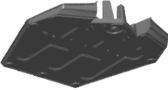



Giới thiệu về màn hình

Phụ kiện đóng gói

Màn hình của bạn được gửi kèm các phụ kiện như liệt kê dưới đây. Đảm bảo bạn đã nhận tất cả các phụ kiện này và xem [Liên hệ với Dell](#) để biết thêm thông tin nếu thiếu bất kỳ phụ kiện nào.

LƯU Ý: Một số phụ kiện có thể tùy chọn và không được gửi kèm màn hình của bạn. Một số tính năng hoặc phương tiện có thể không có sẵn ở một số quốc gia.

	Màn hình
	Giá đỡ
	Chân đế
	Cáp nguồn (khác nhau tùy theo mỗi quốc gia)




	<p>Cáp HDMI 2.0</p>
	<p>Cáp USB 3.0 truyền lên (kích hoạt các cổng USB trên màn hình)</p>
	<p>Cáp DP1.4</p>
	<ul style="list-style-type: none"> • Hướng dẫn cài đặt nhanh • Thông tin an toàn, môi trường và quy định



Tính năng sản phẩm

Màn hình Dell S3422DWG sử dụng công nghệ ma trận chủ động, tranzito màng mỏng (TFT), tinh thể lỏng (LCD), tính năng chống tĩnh điện và đèn nền LED. Các tính năng màn hình bao gồm:

- Hiển thị vùng xem 86,42 cm (34 inch) (đo theo đường chéo). Độ phân giải 3440 x 1440, cùng khả năng hỗ trợ toàn màn hình cho độ phân giải thấp hơn.
- Hỗ trợ tốc độ làm mới 100 Hz & 144 Hz và thời gian phản hồi nhanh 1 ms ở chế độ **MPRT**.

 **LƯU Ý:** Mức 1 ms có thể đạt được ở chế độ MPRT (Cực độ) để giảm độ nhòe chuyển động có thể nhìn thấy và tăng độ phản hồi hình ảnh. Tuy nhiên, chế độ này có thể đưa một số vật lạ trực quan nhẹ và có thể nhìn thấy vào hình ảnh. Vì mọi cài đặt hệ thống và mọi nhu cầu của người chơi đều khác nhau, chúng tôi khuyên người dùng nên thử nghiệm các chế độ khác nhau để tìm kiếm cài đặt phù hợp với họ.

- AMD FreeSync™ Premium Pro giúp chơi game HDR không bị rách, không bị giật hình và độ trễ thấp với.
- Gam màu sRGB 99% và DCI-P3 90%.
- Màn hình DisplayHDR™ 400 chứng nhận VESA.
- Được kích hoạt với khả năng hỗ trợ VRR trên bảng điều khiển trò chơi.
- Kết nối kỹ thuật số với cổng cắm DP và HDMI.
- Được trang bị 1 cổng SuperSpeed USB 5 Gbps (USB 3.2 Gen1) Type B truyền dữ liệu lên, 1 cổng sạc SuperSpeed USB 5 Gbps (USB 3.2 Gen1) Type-A truyền dữ liệu xuống và 3 cổng SuperSpeed USB 5 Gbps (USB 3.2 Gen1) Type-A truyền dữ liệu xuống.
- Tích hợp tính năng Plug and play (Cắm Là Chạy) nếu được hỗ trợ bởi máy tính.
- Điều chỉnh menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) để dễ dàng cài đặt và tối ưu hóa màn hình.
- Giá đỡ rời và lỗ lắp giá treo 100mm tương thích chuẩn Hiệp Hội Tiêu Chuẩn Điện Tử Video (VESA™) cho các giải pháp lắp đặt linh động.
- Khả năng chỉnh nghiêng, xoay và chỉnh chiều cao.
- Khe khóa an toàn.
- ≤ 0,3 W ở Chế độ chờ
- Hỗ trợ Trình quản lý màn hình Dell
- Tối ưu hóa sự thoải mái của mắt nhờ màn hình chống nháy và tính năng **Comfortview** - vốn giúp giảm thiểu phát xạ ánh sáng xanh.



⚠ CẢNH BÁO: Tác hại lâu dài tiềm ẩn của việc phát xạ ánh sáng xanh từ màn hình có thể gây tổn thương mắt, bao gồm mỏi mắt, căng mắt kỹ thuật số,... Tính năng ComfortView được thiết kế để giảm lượng ánh sáng xanh phát ra từ màn hình nhằm giúp mắt thoải mái tối ưu.

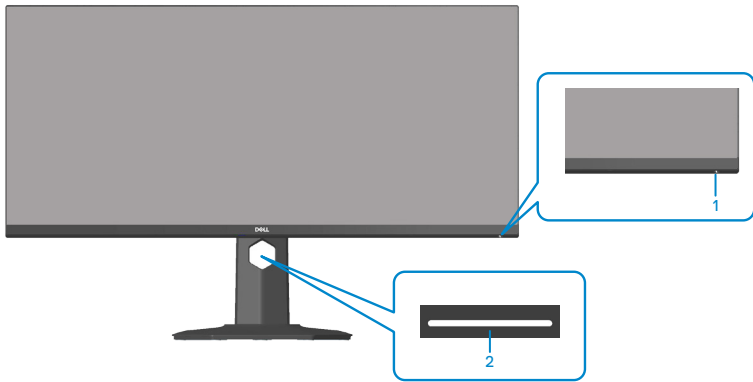
⚠ CẢNH BÁO: Nếu tích hợp phích cắm 3 chấu trên dây nguồn, hãy cắm dây nguồn vào ổ cắm 3 chấu nối đất (đã tiếp đất). Chẳng hạn, không được vô hiệu hóa chấu nối đất của dây nguồn bằng cách cắm bộ chuyển đổi 2 chấu. Chấu nối đất là tính năng an toàn rất quan trọng.

⚠ CẢNH BÁO: Hãy đảm bảo rằng hệ thống phân phối nguồn điện được lắp đặt trong tòa nhà phải được trang bị bộ ngắt mạch định mức 120/240V, 20A (mức tối đa).



Nhận biết các bộ phận và nút điều khiển

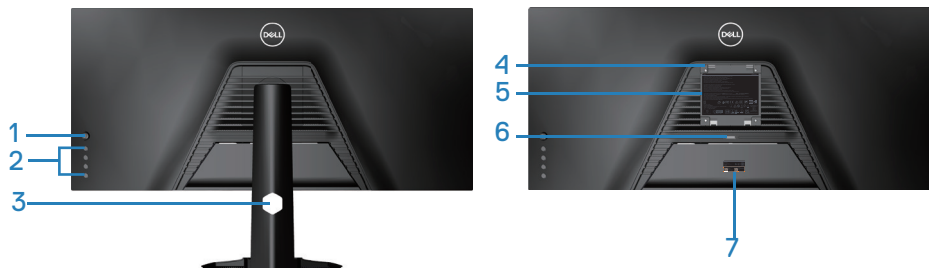
Mặt trước



Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Nút (Bật/Tắt) nguồn	<p>Sử dụng nút nguồn để bật và tắt màn hình.</p> <p>Đèn trắng một màu cho biết màn hình đang bật và hoạt động bình thường.</p> <p>Đèn trắng nhấp nháy cho biết màn hình đang ở Chế độ chờ.</p>
2	Đèn nền	<p>Khi màn hình được thiết lập hoàn toàn, hãy chạm cảm biến tiếp xúc để bật hoặc tắt đèn nền. (xem Đèn nền).</p> <p>Có thể kích hoạt hoặc ngưng kích hoạt tính năng này qua menu OSD (Downlight (Đèn nền)).</p> <p>LƯU Ý: Trên các mẫu màn hình được sản xuất từ tháng 7 năm 2021, bạn chỉ có thể bật hoặc tắt đèn chiếu sáng bằng menu OSD.</p>



Mặt sau



Mặt sau với giá đỡ màn hình

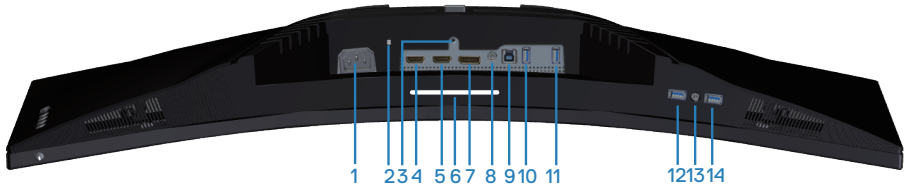
Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Nút điều hướng	Sử dụng nó để điều khiển menu OSD.
2	Các nút chức năng	Nhấn các nút chức năng để chỉnh các mục trong menu OSD. (Để biết thêm chi tiết, xem Sử dụng điều khiển nút chuyển hướng)
3	Khe cắm quản lý cáp	Bố trí các loại cáp khi luồn chúng qua khe.
4	Lỗ lắp giá treo VESA (ở phía sau nắp VESA)	Lỗ lắp giá treo VESA (100mm x 100mm) Dùng để gắn màn hình lên tường bằng bộ giá treo tường tương thích chuẩn VESA.
5	Nhãn thông tin quy định	Liệt kê các thông số chấp nhận theo quy định.
6	Nút nhả giá đỡ	Nhả giá đỡ ra khỏi màn hình.
7	Nhãn quy định (bao gồm số seri kèm Mã vạch và Nhãn thẻ bảo trì)	Liệt kê các thông số chấp nhận theo quy định. Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật. Thẻ dịch vụ là mã nhận dạng chữ số duy nhất cho phép kỹ thuật viên dịch vụ của Dell xác định các linh kiện phần cứng trong máy tính của bạn và truy cập thông tin bảo hành.



Mặt bên cạnh



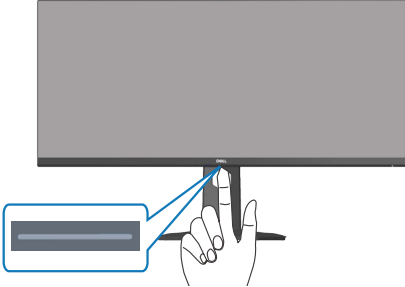
Mặt dưới




Mặt dưới không có giá đỡ màn hình

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Giắc cắm điện	Kết nối cáp nguồn (gửi kèm màn hình).
2	Khe khóa an toàn	Bảo vệ màn hình của bạn bằng khóa an toàn (mua riêng) để tránh di chuyển trái phép màn hình.
3	Tính năng khóa giá đỡ	Khóa giá đỡ chặt vào màn hình bằng vít M3 x 6 mm (không bán kèm màn hình).
4	Cổng HDMI 1 2.0	Kết nối máy tính bằng cáp HDMI.
5	Cổng HDMI 2 2.0	Kết nối máy tính bằng cáp HDMI.



6	Đèn nền	<p>Khi màn hình được thiết lập hoàn toàn, hãy chạm cảm biến tiếp xúc để bật hoặc tắt đèn nền.</p> <p>Cài đặt gốc đang bật, vì vậy đèn nền sẽ hoạt động nếu đã cắm cáp nguồn</p> <p>LƯU Ý: Trên các mẫu màn hình được sản xuất từ tháng 7 năm 2021, bạn chỉ có thể bật hoặc tắt đèn chiếu sáng bằng menu OSD.</p> 
7	Cổng DP 1.4	Kết nối máy tính bằng cáp DP.
8	Cổng ra dòng âm thanh	Kết nối với loa ngoài hoặc loa trầm phụ (mua riêng).*
9	Cổng 5Gbps (USB 3.2 Gen1) Type-B truyền dữ liệu lên	Cắm cáp USB từ cổng này vào máy tính để kích hoạt các cổng USB trên màn hình.
10	(3) Cổng SuperSpeed USB 5 Gbps (USB 3.2 Gen1) Type-A truyền dữ liệu xuống	<p>Kết nối thiết bị USB 3.2 Gen1 (5 Gbps) của bạn.*</p> <p>LƯU Ý: Để sử dụng các cổng này, bạn phải cắm cáp USB (được gửi kèm theo màn hình) vào cổng USB truyền dữ liệu lên trên màn hình và vào máy tính.</p>
11	(3) Cổng SuperSpeed USB 5 Gbps (USB 3.2 Gen1) Type-A truyền dữ liệu xuống	<p>Kết nối thiết bị USB 3.2 Gen1 (5 Gbps) của bạn.*</p> <p>LƯU Ý: Để sử dụng các cổng này, bạn phải cắm cáp USB (được gửi kèm theo màn hình) vào cổng USB truyền dữ liệu lên trên màn hình và vào máy tính.</p>



12	Cổng SuperSpeed USB 5Gbps (USB 3.2 Gen1) Type-A truyền dữ liệu xuống tích hợp khả năng sạc pin	Cắm vào máy tính để sạc pin cho thiết bị USB của bạn.
13	Cổng cắm tai nghe	Kết nối với tai nghe.
14	(3) Cổng SuperSpeed USB 5 Gbps (USB 3.2 Gen1) Type-A truyền dữ liệu xuống	Kết nối thiết bị USB 3.2 Gen1 (5 Gbps) của bạn.*  LƯU Ý: Để sử dụng cổng này, bạn phải kết nối màn hình với máy tính bằng cáp USB truyền lên (được gửi kèm theo màn hình).

*Để tránh nhiễu tín hiệu, khi đã cắm thiết bị USB không dây vào cổng USB truyền xuống, bạn không nên cắm bất kỳ thiết bị USB nào khác vào cổng liền kề.



Thông số kỹ thuật màn hình

Mẫu	S3422DWG
Loại màn hình	Màn hình LCD TFT ma trận hoạt động
Loại tấm nền	Căn chỉnh dọc
Hình có thể xem	
Chéo	864,2 mm (11,20 in.)
Vùng hoạt động ngang	797,2 mm (31,19 in.)
Vùng hoạt động dọc	333,7 mm (13,14 in.)
Tổng diện tích	266048.26 mm ² (412.38 in. ²)
Độ phân giải gốc và tốc độ làm mới	3440 x 1440 ở tần số 100 Hz (HDMI1 và HDMI2) 3440 x 1440 ở tần số 144 Hz (DP)
Khoảng cách giữa các điểm ảnh	0,23175 mm x 0,23175 mm
Pixel/inch (PPI)	109
Góc xem	
Ngang	178° (chuẩn)
Dọc	178° (chuẩn)
Công suất độ sáng	400 cd/m ² (chuẩn)
Tỷ lệ tương phản	3000:1 (chuẩn)
Lớp phủ bề mặt	Chống lóa với lớp phủ cứng 3H, Độ mờ 40%
Đèn nền	Hệ thống đèn LED viền



Thời gian phản hồi	<p>8 ms từ xám sang xám ở chế độ Fast (Nhanh)</p> <p>4 ms từ xám sang xám ở chế độ Super Fast (Siêu nhanh)</p> <p>2 ms từ xám sang xám ở chế độ Extreme (Cực độ)*</p> <p>1 ms từ xám sang xám ở chế độ MPRT</p> <p>*Chế độ 2 ms từ xám sang xám có sẵn ở chế độ Extreme (Cực độ) để giảm độ nhòe chuyển động có thể nhìn thấy và tăng độ phản hồi hình ảnh. Tuy nhiên, chế độ này có thể đưa một số vật lạ trực quan nhẹ và có thể nhìn thấy vào hình ảnh. Vì mọi cài đặt hệ thống và mọi nhu cầu của người dùng đều khác nhau, nên cần tìm các chế độ cài đặt phù hợp với họ.</p>
Độ sâu màu	16,7 triệu màu
Gam màu	sRGB CIE 1931 99% DCI-P3 CIE 1976 90%
Kết nối	<p>2 cổng HDMI 2.0 với chuẩn mã hóa HDCP 2.2</p> <p>1 cổng DP 1.4</p> <p>1 cổng USB 3.2 Gen1 (5 Gbps) truyền dữ liệu lên</p> <p>4 USB 3.2 Gen1 (5 Gbps) truyền dữ liệu xuống tích hợp sạc nhanh BC1.2 ở mức 2 A (tối đa)</p> <p>1 x Cổng ra âm thanh</p> <p>1 x Cổng cắm tai nghe</p>
Độ rộng viền (từ mép màn hình đến vùng hoạt động)	
Trên	8,45 mm
Trái/Phải	8,49 mm
Dưới	24,19 mm



Khả năng điều chỉnh	
Giá đỡ màn hình có thể điều chỉnh được độ cao	100 mm
Nghiêng	Từ -5° đến 21°
Quay	N/A
Điều chỉnh độ nghiêng	Từ -4° đến 4°
Tương thích phần mềm quản lý màn hình Dell	Easy Arrange và các tính năng chính khác
Độ an toàn	Khe cắm khóa an toàn (khóa cáp đặt mua riêng)

Thông số kỹ thuật độ phân giải

Mẫu	S3422DWG
Dải quét ngang	29 kHz tới 200 kHz
Dải quét dọc	48 Hz tới 100 Hz (HDMI) 48 Hz tới 144 Hz (DP)
Độ phân giải cài sẵn tối đa	3440 x 1440 ở tần số 144 Hz (DP) 3440 x 1440 ở tần số 100 Hz (HDMI)

Chế độ video hỗ trợ

Mẫu	S3422DWG
Khả năng hiển thị video (HDMI/DP)	480p, 480i(HDMI), 576p, 720p, 1080p, 576i(HDMI), 1080i(HDMI), 1440p, 2160p



Chế độ hiển thị cài sẵn

Chế độ hiển thị cài sẵn HDMI HDR

Chế độ hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Cực đồng bộ (Ngang/Dọc)
VESA, 640 x 480	37,50	75,00	31,50	-/-
VESA, 640 x 480	31,47	59,94	25,18	-/-
IBM, 720 x 400	31,47	70,08	28,32	-/+
VESA, 800 x 600	37,88	60,32	40,00	+/+
VESA, 800 x 600	46,88	75,00	49,50	+/+
VESA, 1024 x 768	48,36	60,00	65,00	-/-
VESA, 1024 x 768	60,02	75,03	78,75	+/+
VESA, 1152 x 864	67,50	75,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 720	44,77	59,86	74,50	-/+
VESA, 1280 x 800	49,31	59,91	71,00	+/+
VESA, 1280 x 960	60,00	60,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,98	60,02	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,98	75,02	135,00	+/+
VESA, 1440 x 900	55,94	59,89	106,50	-/+
VESA, 1680 x 1050	65,29	59,95	146,25	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,50	60,00	148,50	+/+
VESA, 1920 x 1080	137,26	119,98	285,50	+/-
VESA, 2560x1440	183,00	120,00	497,75	+/-
VESA, 3440x1440	88,82	59,97	319,75	+/-
VESA, 3440x1440	150,97	99,98	543,50	+/-



Chế độ hiển thị cài sẵn HDMI SDR

Chế độ hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Cực đồng bộ (Ngang/Dọc)
VESA, 640 x 480	37,50	75,00	31,50	-/-
VESA, 640 x 480	31,47	59,94	25,18	-/-
IBM, 720 x 400	31,47	70,08	28,32	-/+
VESA, 800 x 600	37,88	60,32	40,00	+/+
VESA, 800 x 600	46,88	75,00	49,50	+/+
VESA, 1024 x 768	48,36	60,00	65,00	-/-
VESA, 1024 x 768	60,02	75,03	78,75	+/+
VESA, 1152 x 864	67,50	75,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 720	44,77	59,86	74,50	-/+
VESA, 1280 x 800	49,31	59,91	71,00	+/+
VESA, 1280 x 960	60,00	60,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,98	60,02	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,98	75,02	135,00	+/+
VESA, 1440 x 900	55,94	59,89	106,50	-/+
VESA, 1680 x 1050	65,29	59,95	146,25	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,50	60,00	148,50	+/+
VESA, 1920 x 1080	137,26	119,98	285,50	+/-
VESA, 2560x1440	88,79	59,95	241,50	+/-
VESA, 2560x1440	183,00	120,00	497,75	+/-
VESA, 3440x1440	88,82	59,97	319,75	+/-
VESA, 3440x1440	150,97	99,98	543,50	+/-



Chế độ hiển thị cài sẵn HDMI PIP

Chế độ hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Cực đồng bộ (Ngang/Dọc)
VESA, 640 x 480	37,50	75,00	31,50	-/-
VESA, 640 x 480	31,47	59,94	25,18	-/-
IBM, 720 x 400	31,47	70,08	28,32	-/+
VESA, 800 x 600	37,88	60,32	40,00	+/+
VESA, 800 x 600	46,88	75,00	49,50	+/+
VESA, 1024 x 768	48,36	60,00	65,00	-/-
VESA, 1024 x 768	60,02	75,03	78,75	+/+
VESA, 1152 x 864	67,50	75,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 720	44,77	59,86	74,50	-/+
VESA, 1280 x 800	49,31	59,91	71,00	+/+
VESA, 1280 x 960	60,00	60,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,98	60,02	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,98	75,02	135,00	+/+
VESA, 1440 x 900	55,94	59,89	106,50	-/+
VESA, 1680 x 1050	65,29	59,95	146,25	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,50	60,00	148,50	+/+
VESA, 1920 x 1080	137,26	119,98	285,50	+/-
VESA, 2560x1440	88,79	59,95	241,50	+/-
VESA, 2560x1440	183,00	120,00	497,75	+/-
VESA, 3440x1440	88,82	59,97	319,75	+/-
VESA, 3440x1440	150,97	99,98	543,50	+/-



Chế độ hiển thị cài sẵn HDMI PBP

Chế độ hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Cực đồng bộ (Ngang/Dọc)
VESA, 640 x 480	37,50	75,00	31,50	-/-
VESA, 640 x 480	31,47	59,94	25,18	-/-
IBM, 720 x 400	31,47	70,08	28,32	-/+
VESA, 720x480	31,50	60,00	27,03	+/+
VESA, 800 x 600	37,88	60,32	40,00	+/+
VESA, 800 x 600	46,88	75,00	49,50	+/+
VESA, 1024 x 768	48,36	60,00	65,00	-/-
VESA, 1024 x 768	60,02	75,03	78,75	+/+
VESA, 1152 x 864	67,50	75,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 720	44,77	59,86	74,50	-/+
VESA, 1280 x 800	49,31	59,91	71,00	+/+
VESA, 1280 x 960	60,00	60,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,98	60,02	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,98	75,02	135,00	+/+
VESA, 1440 x 900	55,94	59,89	106,50	-/+
VESA, 1680 x 1050	65,29	59,95	146,25	-/+
VESA, 1720x1440	88,82	59,97	167,00	+/-
VESA, 1720x1440	88,82	59,97	167,00	+/-



Chế độ hiển thị cài sẵn DP HDR

Chế độ hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Cực đồng bộ (Ngang/Dọc)
VESA, 640 x 480	37,50	75,00	31,50	-/-
VESA, 640 x 480	31,47	59,94	25,18	-/-
IBM, 720 x 400	31,47	70,08	28,32	-/+
VESA, 800 x 600	37,88	60,32	40,00	+/+
VESA, 800 x 600	46,88	75,00	49,50	+/+
VESA, 1024 x 768	48,36	60,00	65,00	-/-
VESA, 1024 x 768	60,02	75,03	78,75	+/+
VESA, 1152 x 864	67,50	75,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 720	44,77	59,86	74,50	-/+
VESA, 1280 x 800	49,31	59,91	71,00	+/+
VESA, 1280 x 960	60,00	60,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,98	60,02	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,98	75,02	135,00	+/+
VESA, 1440 x 900	55,94	59,89	106,50	-/+
VESA, 1680 x 1050	65,29	59,95	146,25	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,50	60,00	148,50	+/+
VESA, 1920 x 1080	137,26	119,98	285,50	+/-
VESA, 1920x1080	166,59	143,98	346,50	+/-
VESA, 2560x1440	88,79	59,95	241,50	+/-
VESA, 2560x1440	183,00	119,99	497,75	+/-
VESA, 2560x 1440	222,15	143,97	604,25	+/-
VESA, 3440x1440	88,82	59,97	319,75	+/-
VESA, 3440x1440	150,97	99,98	543,50	+/-
VESA, 3440x1440	222,15	143,98	799,74	+/-



Chế độ hiển thị cài sẵn DP SDR

Chế độ hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Cực đồng bộ (Ngang/Dọc)
VESA, 640 x 480	37,50	75,00	31,50	-/-
VESA, 640 x 480	31,47	59,94	25,18	-/-
IBM, 720 x 400	31,47	70,08	28,32	-/+
VESA, 800 x 600	37,88	60,32	40,00	+/+
VESA, 800 x 600	46,88	75,00	49,50	+/+
VESA, 1024 x 768	48,36	60,00	65,00	-/-
VESA, 1024 x 768	60,02	75,03	78,75	+/+
VESA, 1152 x 864	67,50	75,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 720	44,77	59,86	74,50	-/+
VESA, 1280 x 800	49,31	59,91	71,00	+/+
VESA, 1280 x 960	60,00	60,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,98	60,02	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,98	75,02	135,00	+/+
VESA, 1440 x 900	55,94	59,89	106,50	-/+
VESA, 1680 x 1050	65,29	59,95	146,25	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,50	60,00	148,50	+/+
VESA, 1920 x 1080	137,26	119,98	285,50	+/-
VESA, 1920x1080	166,59	143,98	346,50	+/-
VESA, 2560x1440	88,79	59,95	241,50	+/-
VESA, 2560x1440	183,00	120,00	497,75	+/-
VESA, 2560x 1440	222,15	143,97	604,25	+/-
VESA, 3440x1440	88,82	59,97	319,75	+/-
VESA, 3440x1440	150,97	99,98	543,50	+/-
VESA, 3440x1440	222,15	143,98	799,74	+/-



Chế độ hiển thị cài sẵn DP PIP

Chế độ hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Cực đồng bộ (Ngang/Dọc)
VESA, 640 x 480	37,50	75,00	31,50	-/-
VESA, 640 x 480	31,47	59,94	25,18	-/-
IBM, 720 x 400	31,47	70,08	28,32	-/+
VESA, 800 x 600	37,88	60,32	40,00	+/+
VESA, 800 x 600	46,88	75,00	49,50	+/+
VESA, 1024 x 768	48,36	60,00	65,00	-/-
VESA, 1024 x 768	60,02	75,03	78,75	+/+
VESA, 1152 x 864	67,50	75,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 720	44,77	59,86	74,50	-/+
VESA, 1280 x 800	49,31	59,91	71,00	+/+
VESA, 1280 x 960	60,00	60,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,98	60,02	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,98	75,02	135,00	+/+
VESA, 1440 x 900	55,94	59,89	106,50	-/+
VESA, 1680 x 1050	65,29	59,95	146,25	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,50	60,00	148,50	+/+
VESA, 1920 x 1080	137,26	119,98	285,50	+/-
VESA, 1920x1080	166,59	143,98	346,50	+/-
VESA, 2560x1440	88,79	59,95	241,50	+/-
VESA, 2560x1440	183,00	120,00	497,75	+/-
VESA, 2560x 1440	222,15	143,97	604,25	+/-
VESA, 3440x1440	88,82	59,97	319,75	+/-
VESA, 3440x1440	150,97	99,98	543,50	+/-



Chế độ hiển thị cài sẵn DP PBP

Chế độ hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Cực đồng bộ (Ngang/Dọc)
VESA, 640 x 480	37,50	75,00	31,50	-/-
VESA, 640 x 480	31,47	59,94	25,18	-/-
IBM, 720 x 400	31,47	70,08	28,32	-/+
VESA, 720x480	31,50	60,00	27,03	+/+
VESA, 800 x 600	37,88	60,32	40,00	+/+
VESA, 800 x 600	46,88	75,00	49,50	+/+
VESA, 1024 x 768	48,36	60,00	65,00	-/-
VESA, 1024 x 768	60,02	75,03	78,75	+/+
VESA, 1152 x 864	67,50	75,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 720	44,77	59,86	74,50	-/+
VESA, 1280 x 800	49,31	59,91	71,00	+/+
VESA, 1280 x 960	60,00	60,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,98	60,02	108,00	+/+
VESA, 1280 x1024	79,98	75,02	135,00	+/+
VESA, 1440 x 900	55,94	59,89	106,50	-/+
VESA, 1680 x 1050	65,29	59,95	146,25	-/+
VESA, 1720x1440	88,82	59,97	167,00	+/-
VESA, 1920 x 1080	67,50	60,00	148,50	+/+

 **LƯU Ý:** Màn hình này hỗ trợ Công nghệ AMD FreeSync™ Premium Pro.



Thông số kỹ thuật điện

Mẫu	S3422DWG
Tín hiệu đầu vào video	HDMI 2.0 (HDCP), 600 mV cho từng dòng khác biệt, trở kháng đầu vào 100 ohm trên mỗi cặp khác biệt Cổng DP 1,4, 600 mV cho từng dòng khác biệt, trở kháng đầu vào 100 ohm trên mỗi cặp khác biệt
Điện áp/tần số/dòng điện đầu vào AC	100 VAC đến 240 VAC/50 Hz hoặc 60 Hz \pm 3 Hz/1,6A (tối đa)
Dòng điện khởi động	120 V: 30 A (Tối đa) ở nhiệt độ 0°C (khởi động nguội) 240 V: 60 A (Tối đa) ở nhiệt độ 0°C (khởi động nguội)
Mức tiêu thụ điện	0,2 W (Chế độ tắt) ¹ 0,3 W (Chế độ chờ) ¹ 30 W (Chế độ bật) ¹ 90 W (Tối đa) ² 31 W (Pon) ³ 96,4 kWh (TEC) ³

¹ Như được nêu trong Quy định EU 2019/2021 và EU 2019/2013.

² Cài đặt độ sáng và độ tương phản tối ưu với mức tải nguồn điện tối đa trên tất cả các cổng USB.

³ Pon: Mức tiêu thụ điện của On Mode (Chế độ bật) được đo bằng tham chiếu đến phương pháp thử nghiệm Energy Star.

TEC: Tổng mức tiêu thụ điện tính theo kWh được đo bằng tham chiếu đến phương pháp thử nghiệm Energy Star.



Tài liệu này chỉ cung cấp thông tin và phản ánh hiệu suất hoạt động ở phòng thí nghiệm. Sản phẩm có thể hoạt động khác nhau, tùy thuộc vào phần mềm, các linh kiện và thiết bị ngoại vi mà quý khách đã đặt mua và chúng tôi không có trách nhiệm phải cập nhật thông tin này. Do đó, quý khách không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về độ dung sai điện hoặc bằng cách khác. Không có bảo đảm về độ chính xác hoặc sự hoàn chỉnh của sản phẩm được nêu rõ hay ngụ ý.



Đặc tính vật lý

Mẫu	S3422DWG
Loại cáp tín hiệu	<ul style="list-style-type: none">• Kỹ thuật số: Cổng HDMI, 19 chân cắm• Buýt nối tiếp đa năng: USB, 9 chân cắm• Kỹ thuật số: DisplayPort, 20 chân cắm
Kích thước (có giá đỡ)	
Chiều cao (đã kéo dài)	527,31 mm (20,76 inch)
Chiều cao (đã rút ngắn)	427,31 mm (16,82 inch)
Chiều rộng	807,90 mm (31,81 inch)
Độ dày	237,61 mm (9,35 inch)
Kích thước (không có giá đỡ)	
Chiều cao	366,36 mm (14,42 inch)
Chiều rộng	807,90 mm (31,81 inch)
Độ dày	85,81 mm (3,38 inch)
Kích thước giá đỡ	
Chiều cao	420,30 mm (16,55 inch)
Chiều rộng	284,56 mm (11,20 inch)
Độ dày	237,61 mm (9,35 inch)
Trọng lượng	
Trọng lượng có thùng đựng	14,95 kg (32,95 lb.)
Trọng lượng có kèm bộ phận giá đỡ và các loại cáp	10,38 kg (22,88 lb.)
Trọng lượng không có bộ phận giá đỡ (không cáp)	7,71 kg (16,99 lb.)
Trọng lượng của bộ phận giá đỡ	2,35 kg (5,11 lb.)
Độ bóng khung trước	Khung đen 2-4 đơn vị bóng



Đặc tính môi trường

Mẫu	S3422DWG
Tiêu chuẩn phù hợp	
<ul style="list-style-type: none">• Tuân thủ quy định RoHS• Màn hình không chứa chất BFR/PVC (chưa bao gồm cáp ngoài)• Mặt kính không chứa asen và chỉ tấm nền là không chứa chất thủy ngân.• Phần mềm Energy Gauge hiển thị mức điện năng đang được tiêu thụ bởi màn hình trong thời gian thực.	
Nhiệt độ	
Sử dụng	0°C đến 40°C (32°F đến 104°F)
Không sử dụng	<ul style="list-style-type: none">• Bảo quản: -20°C đến 60°C (-4°F đến 140°F)• Vận chuyển: -20°C đến 60°C (-4°F đến 140°F)
Độ ẩm	
Sử dụng	10% đến 80% (không ngưng tụ)
Không sử dụng	<ul style="list-style-type: none">• Bảo quản ở mức 10% đến 90% (không ngưng tụ)• Vận chuyển ở mức 10% đến 90% (không ngưng tụ)
Độ cao	
Sử dụng (tối đa)	5.000 m (16.400 ft)
Không sử dụng (tối đa)	12.192 m (40.000 ft)
Công suất tản nhiệt	<ul style="list-style-type: none">• 307,29 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (tối đa)• 109,26 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (chuẩn)



Tính năng Cắm Là Chạy

Bạn có thể lắp đặt màn hình vào bất kỳ hệ thống nào tương thích với chuẩn Cắm Là Chạy (Plug and Play). Màn hình tự động cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Dạng Màn Hình Mở Rộng (EDID) liên quan qua các giao thức Kênh Dữ Liệu Hiển Thị (DDC) để hệ thống có thể tự định cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Phần lớn các cài đặt màn hình đều là tự động, bạn có thể chọn các cài đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về cách đổi cài đặt màn hình, xem [Sử dụng màn hình](#).

Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, không hiếm khi gặp tình trạng một hoặc nhiều điểm ảnh trở nên cố định ở một trạng thái không thay đổi vốn rất khó nhận biết và không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng màn hình. Để biết thêm thông tin về Chính Sách Chất Lượng và Điểm Ảnh Màn Hình Dell, xem trang Hỗ trợ Dell tại:

www.dell.com/support/monitors



Thiết kế công thái học

△ **CHÚ Ý:** Việc sử dụng bàn phím không đúng cách hoặc kéo dài có thể dẫn đến chấn thương.

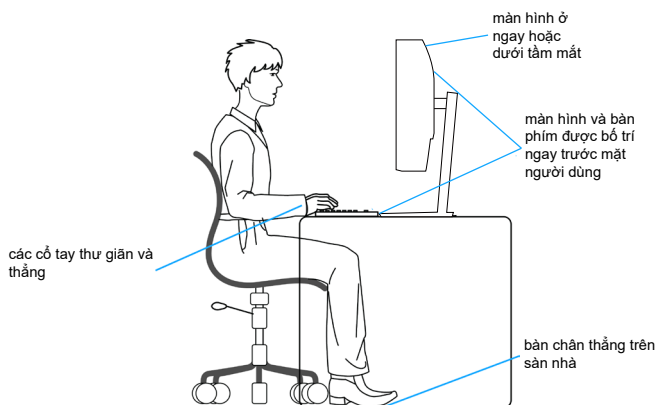
△ **CHÚ Ý:** Xem màn hình trong thời gian dài có thể dẫn đến mỏi mắt.

Để thoải mái và hiệu quả, hãy tuân thủ các hướng dẫn sau khi thiết lập và sử dụng máy tính trạm của bạn:

- Bố trí máy tính sao cho màn hình và bàn phím ở ngay trước bạn khi làm việc. Các kệ đặc biệt có bán trên thị trường để giúp bạn bố trí bàn phím đúng vị trí.
- Để giảm nguy cơ mỏi mắt và đau cổ/cánh tay/lưng/vai vì sử dụng màn hình trong thời gian dài, chúng tôi khuyên bạn:
 1. Đặt màn hình cách mắt bạn từ 50 - 70 cm (20 - 28 inch).
 2. Thường xuyên nháy mắt để làm ẩm mắt hoặc nhỏ mắt bằng nước sau khi sử dụng màn hình trong thời gian dài.
 3. Thường xuyên nghỉ giải lao đều đặn trong 20 phút mỗi hai giờ.
 4. Tránh nhìn vào màn hình và nhìn chăm chú vào một vật ở xa cách 20 foot trong ít nhất 20 giây khi nghỉ giải lao.
 5. Tiến hành căng cơ để giảm căng cổ, cánh tay, lưng và vai khi nghỉ giải lao.
- Đảm bảo màn hình nằm ngang tầm mắt hoặc thấp hơn một chút khi bạn ngồi trước màn hình.
- Điều chỉnh độ nghiêng, cài đặt độ tương phản và độ sáng màn hình.
- Điều chỉnh ánh sáng xung quanh bạn (như đèn trên cao, đèn bàn và rèm cửa hoặc rèm trên cửa sổ gần đó) để giảm thiểu phản xạ và ánh sáng chói trên màn hình.
- Sử dụng loại ghế ngồi đỡ được phần lưng dưới.
- Giữ cẳng tay ngang với cổ tay ở vị trí trung gian, thoải mái trong khi sử dụng bàn phím hoặc chuột.
- Luôn chừa không gian để nghỉ tay trong khi sử dụng bàn phím hoặc chuột.
- Hãy để cánh tay trên của bạn nghỉ ngơi tự nhiên ở cả hai bên.
- Đảm bảo bàn chân đang đặt thẳng trên sàn nhà.



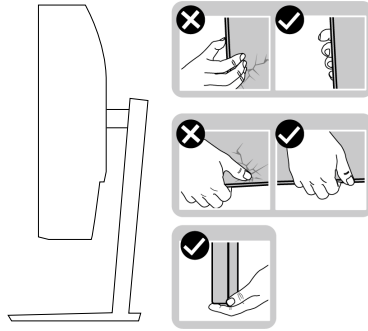
- Khi ngồi, hãy chắc chắn rằng trọng lượng chân của bạn dồn lên đôi bàn chân chứ không phải dồn lên phần trước ghế. Điều chỉnh độ cao ghế hoặc sử dụng chân ghế nếu cần để duy trì tư thế thích hợp.
- Thay đổi các hoạt động công việc của bạn. Cố gắng sắp xếp công việc để bạn không phải ngồi và làm việc trong thời gian dài. Cố gắng đứng hoặc đứng dậy và đi bộ đều đặn.
- Giữ khu vực dưới bàn làm việc không có các vật cản và dây cáp hoặc dây điện có thể gây cản trở cho chỗ ngồi thoải mái hoặc gây nguy hiểm cho khả năng đi lại.



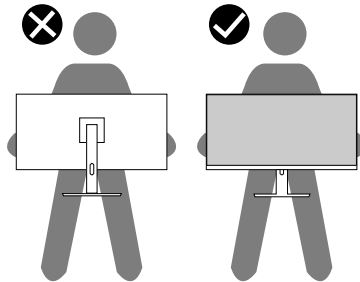
Cầm nắm và di chuyển màn hình

Để đảm bảo màn hình được cầm nắm an toàn khi nâng hoặc di chuyển nó, hãy thực hiện theo các hướng dẫn như đề cập dưới đây:

- Trước khi di chuyển hoặc nâng màn hình, hãy tắt máy tính và màn hình.
- Rút tất cả các dây cáp khỏi màn hình.
- Đặt màn hình vào thùng đựng gốc cùng các vật liệu đóng gói ban đầu.
- Giữ chắc cạnh dưới và cạnh bên màn hình mà không gây áp lực quá mức khi nâng hoặc di chuyển màn hình.

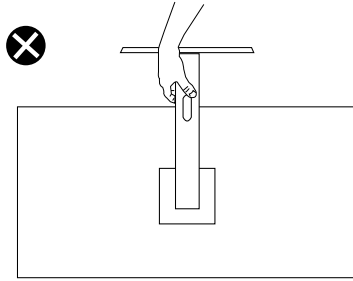


- Khi nâng hoặc di chuyển màn hình, đảm bảo màn hình quay mặt ra khỏi bạn và không ấn vào vùng hiển thị để tránh gây ra mọi vết trầy xước hoặc hư hỏng.



- Khi vận chuyển màn hình, tránh mọi va đập hoặc rung động bất ngờ đối với màn hình.
- Khi nâng hoặc di chuyển màn hình, không lật ngược màn hình trong khi giữ chân đế hoặc giá đỡ. Điều này có thể gây hỏng ngẫu nhiên cho màn hình hoặc gây thương tích cá nhân.





Hướng dẫn bảo dưỡng

Vệ sinh màn hình

⚠ CẢNH BÁO: Trước khi vệ sinh màn hình, hãy rút cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ cắm điện.

⚠ CHÚ Ý: Đọc và thực hiện theo [Hướng dẫn an toàn](#) trước khi vệ sinh màn hình.



Để có thông lệ thực hành tốt nhất, thực hiện theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây khi mở thùng đựng, vệ sinh hay cầm nắm màn hình:

- Để lau màn hình, thấm một ít nước vào khăn mềm sạch. Nếu có thể, hãy dùng giấy lụa hoặc dung dịch vệ sinh màn hình chuyên dụng để lau lớp phủ khử tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất pha loãng, amoniac, chất tẩy ăn mòn hoặc khí nén.
- Dùng khăn hơi ẩm để lau sạch màn hình. Tránh sử dụng bất kỳ loại chất tẩy rửa nào vì một số chất tẩy rửa sẽ để lại lớp màng đục trên màn hình.
- Nếu bạn nhìn thấy chất bột trắng khi mở thùng đựng màn hình, hãy dùng khăn lau sạch.
- Cầm màn hình cẩn thận vì màn hình màu đen có thể bị trầy xước và hiện ra các vết xước trắng.
- Để giúp màn hình duy trì chất lượng hình ảnh tối ưu nhất, hãy sử dụng chế độ bảo vệ màn hình tự động thay đổi và tắt nguồn màn hình khi không sử dụng.



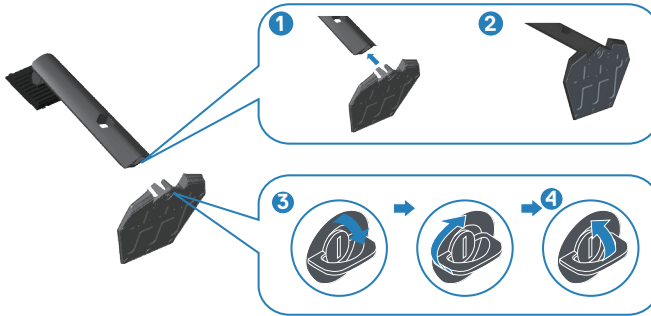
Lắp đặt màn hình

Cắm giá đỡ

-  **LƯU Ý:** Giá đỡ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.
-  **LƯU Ý:** Có thể áp dụng quy trình sau cho giá đỡ gửi kèm màn hình. Nếu bạn đang kết nối chân đế của bên thứ ba, hãy tham khảo tài liệu gửi kèm chân đế.

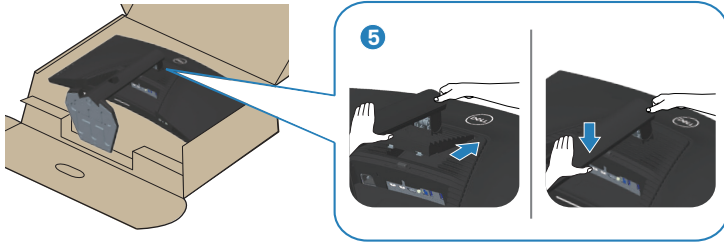
Để lắp giá đỡ màn hình:

1. Thực hiện theo các hướng dẫn trên nắp đậy thùng cạc tông để tháo giá đỡ khỏi miếng xốp giữ chặt phía trên.
2. Lắp bộ chân đế vào thanh đứng.
3. Mở tay vặn vít trên bộ chân đế và siết vít để gắn thanh đứng vào bộ chân đế.
4. Đóng tay vặn vít.



5. Trượt các then cài trên bộ giá đỡ vào các khe trên màn hình và ấn bộ giá đỡ xuống để giá được khóa cố định.





6. Đặt màn hình thẳng đứng.

Kết nối màn hình

- ⚠ **CẢNH BÁO:** Trước khi bạn bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy thực hiện theo [Hướng dẫn an toàn](#).
- 📌 **LƯU Ý:** Không được cắm mọi loại cáp vào máy tính cùng một lúc. Bạn nên bố trí các loại cáp qua khe quản lý cáp trước khi kết nối chúng với màn hình.

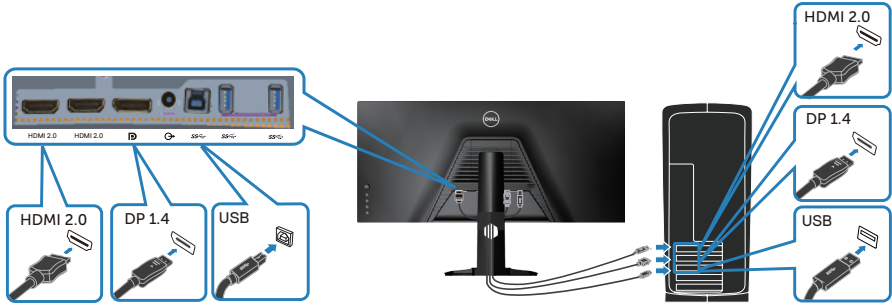
Để kết nối màn hình với máy vi tính:

1. Tắt máy tính và ngắt cáp nguồn.
2. Cắm cáp HDMI hoặc DP 1.4 từ màn hình vào máy tính của bạn.
3. Cắm cáp USB truyền lên (được gửi kèm theo màn hình) vào cổng USB 3.0 thích hợp trên máy tính. (Xem [Mặt dưới](#) để biết thêm chi tiết.)
4. Kết nối các thiết bị ngoại vi USB 3.0 với các c



5. Ổng USB 3.0 truyền xuống trên màn hình.

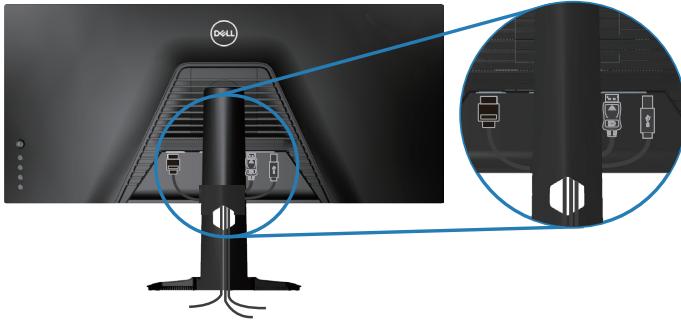
Cắm cáp HDMI, DP 1.4 và USB 3.0



6. Cắm cáp nguồn của máy tính và màn hình vào ổ cắm điện trên tường.

Bộ trí các loại cáp

Sử dụng khe quản lý cáp để sắp xếp cáp cắm vào màn hình.

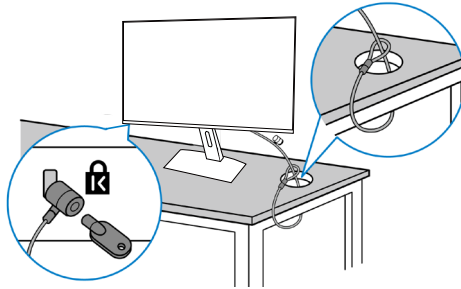


Giữ chặt màn hình bằng khóa Kensington (tùy chọn)

Khe cắm khóa an toàn nằm ở phía dưới màn hình. (Xem [Khe khóa an toàn](#))

Để biết thêm thông tin về cách sử dụng khóa Kensington (được mua riêng), hãy xem tài liệu được gửi kèm với khóa.



Buộc chặt màn hình vào bàn làm việc bằng khóa an toàn Kensington.



LƯU Ý: Hình ảnh chỉ được dùng vì mục đích minh họa. Hình dạng khóa có thể khác nhau.



Tháo giá đỡ

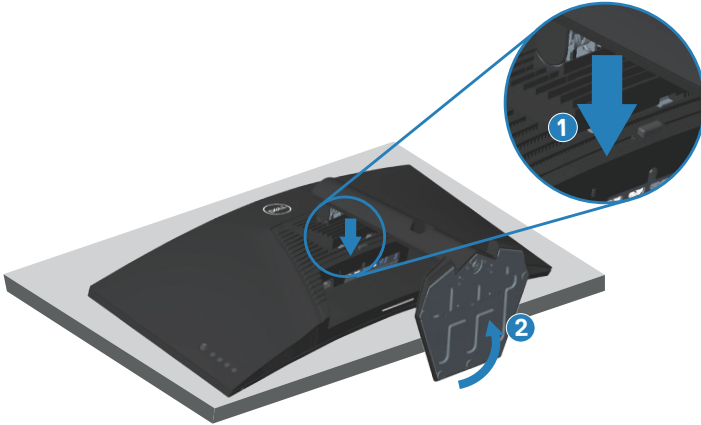
-  **LƯU Ý:** Để tránh cho màn hình khỏi bị trầy xước khi tháo giá đỡ, đảm bảo đặt màn hình trên bề mặt mềm và sạch sẽ.
-  **LƯU Ý:** Chỉ áp dụng quy trình sau cho giá đỡ gửi kèm màn hình. Nếu bạn đang kết nối chân đế của bên thứ ba, hãy tham khảo tài liệu gửi kèm chân đế.

Để tháo giá đỡ:

1. Đặt màn hình lên khăn mềm hoặc nệm lót ở cạnh của bàn.

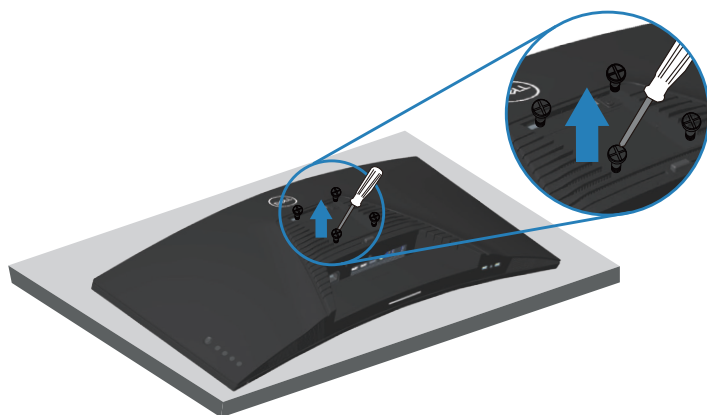


2. Nhấn và giữ nút nhỏ chân đế, sau đó nhấc chân đế ra khỏi màn hình.





Giá treo tường (tùy chọn)



(Kích thước vít: M4 x 10 mm).

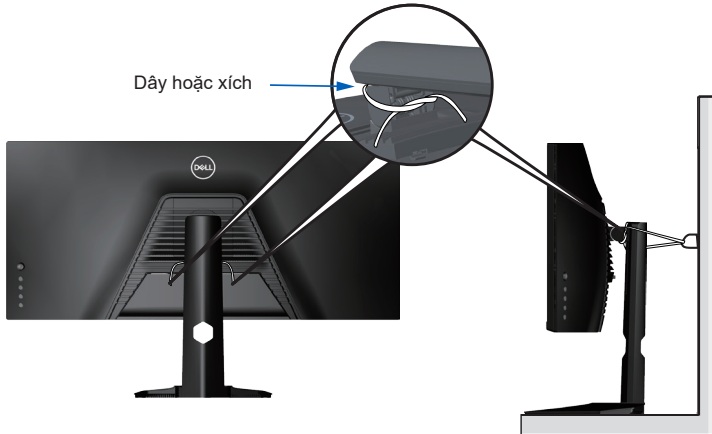
Xem tài liệu kèm theo bộ giá treo tường tương thích chuẩn VESA.

1. Đặt màn hình lên khăn mềm hoặc nệm lót ở cạnh của bàn.
2. Tháo giá đỡ. Xem [Tháo giá đỡ](#) để biết thêm chi tiết.
3. Tháo bốn vít gắn tấm nền với màn hình.
4. Gắn giá treo từ bộ giá treo tường vào màn hình.
5. Để gắn màn hình lên tường, xem tài liệu kèm theo bộ giá treo tường.




✍️ LƯU Ý: Chỉ dùng với giá treo tường UL hoặc CSA hoặc giá treo tường liệt kê trong danh sách GS với trọng lượng/khả năng chịu tải tối thiểu 30,84 kg.

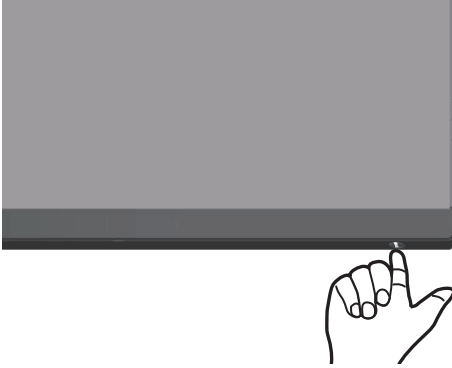
⚠️ LƯU Ý: Khi sử dụng màn hình, hãy gắn chặt màn hình LCD vào tường bằng dây hoặc xích có thể đỡ được trọng lượng của màn hình để ngăn màn hình rơi xuống. Việc lắp đặt màn hình phải được thực hiện bởi kỹ thuật viên chuyên nghiệp, vì vậy hãy liên hệ nhà cung cấp màn hình của bạn để biết thêm thông tin.



Sử dụng màn hình

Bật nguồn màn hình

Nhấn nút  để bật màn hình.



Sử dụng điều khiển nút chuyển hướng




Dùng các nút ở phía dưới màn hình để chỉnh cài đặt hình ảnh.



1. Nhấn nút chuyển hướng để bật menu chính OSD.
2. Di chuyển nút điều hướng lên/xuống/sang trái/sang phải để chuyển đổi giữa các tùy chọn.
3. Nhấn lại nút chuyển hướng để xác nhận các cài đặt và thoát.

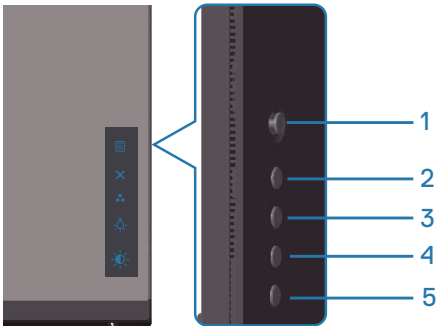


Mô tả nút chuyển hướng






Nút điều hướng	Mô tả
	<ul style="list-style-type: none">• Khi menu OSD bật, nhấn nút để xác nhận lựa chọn hoặc lưu cài đặt.• Khi menu OSD tắt, nhấn nút này để bật menu chính OSD. Xem Truy cập hệ thống menu.
	<ul style="list-style-type: none">• Để điều hướng 2 chiều (phải và trái).• Di chuyển sang phải để vào menu phụ.• Di chuyển sang trái để thoát khỏi menu phụ.• Tăng (bên phải) hoặc giảm (bên trái) các thông số của mục menu đã chọn.
	<ul style="list-style-type: none">• Để điều hướng 2 chiều (lên và xuống).• Chuyển đổi giữa các mục menu.• Tăng (lên) hoặc giảm (xuống) các thông số của mục menu đã chọn.

Sử dụng các nút điều khiển mặt sau

Sử dụng các nút điều khiển ở phía sau màn hình để điều chỉnh cài đặt hiển thị. Khi bạn sử dụng các nút này để điều chỉnh cài đặt, menu OSD sẽ hiển thị trị số của mỗi tính năng khi chúng thay đổi.


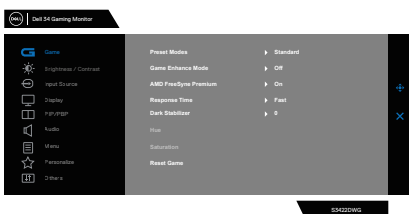


Bảng sau đây mô tả các nút ở mặt sau:

Các nút điều khiển	Mô tả
1  Menu	Sử dụng nút Menu khi khởi động màn hình ảo (OSD) và chọn menu OSD. Xem Truy cập hệ thống menu .
2  Exit (Thoát)	Dùng nút này để trở về menu chính hoặc thoát menu chính OSD.
3  Shortcut key (Phím tắt)/Preset Modes (Chế độ cài sẵn)	Sử dụng nút này để chọn từ danh sách các chế độ cài sẵn.
4  Shortcut key (Phím tắt)/Downlight (Đèn nền)	Sử dụng nút này để bật hoặc tắt các đèn ở phía dưới màn hình.
5  Shortcut key/ Brightness/Contrast (Phím tắt/Độ sáng/Độ tương phản)	Sử dụng các nút này để chỉnh Độ sáng/Độ tương phản.

Sử dụng menu Hiển thị Trên Màn hình (OSD)

Truy cập hệ thống menu

Biểu tượng	Menu và Menu phụ	Mô tả
	Game (Trò chơi)	



**Preset Modes
(Chế độ cài
sẵn)**

Cho phép bạn chọn từ danh sách các chế độ màu cài sẵn.

- **Standard (Chuẩn):** Nạp các cài đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ cài sẵn mặc định.
- **FPS:** Tải cài đặt màu sắc lý tưởng cho các trò chơi Bắn súng góc nhìn người thứ nhất.
- **MOBA/RTS:** Tải cài đặt màu lý tưởng cho các trò chơi Đấu trường Chiến đấu Trực tuyến Nhiều Người chơi (MOBA) và Chiến lược Thời gian Thực (RTS).
- **RPG:** Tải cài đặt màu sắc lý tưởng cho các trò chơi Nhập vai.
- **SPORTS:** Tải cài đặt màu sắc lý tưởng cho các trò chơi “THỂ THAO”.
- **Game 1 (Trò chơi 1)/Game 2 (Trò chơi 2)/ Game 3 (Trò chơi 3):** Cho phép bạn tùy chỉnh cài đặt màu theo nhu cầu chơi game của bạn.
- **ComfortView:** Giảm mức ánh sáng xanh phát ra từ màn hình để giúp mắt của bạn xem thoải mái hơn.




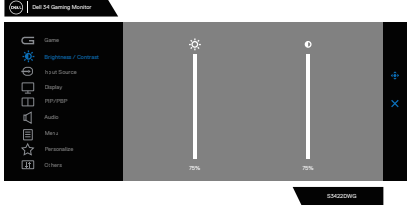
CẢNH BÁO: Các ảnh hưởng lâu dài tiềm ẩn của việc phát xạ ánh sáng xanh từ màn hình có thể gây thương tật cá nhân như căng mắt kỹ thuật số, mỏi mắt và tổn thương mắt. Sử dụng màn hình trong thời gian dài cũng có thể gây đau ở các bộ phận cơ thể như cổ, cánh tay, lưng và vai. Để biết thêm chi tiết, xem [Thiết kế công thái học](#).

- **Warm (Nóng):** Tăng nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị nóng hơn với sắc đỏ/vàng.
- **Cool (Nguội):** Giảm nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị nguội hơn với sắc xanh lam.
- **Custom Color (Màu tùy chỉnh):** Cho phép bạn chỉnh thủ công các cài đặt màu sắc. Di chuyển nút chuyển hướng để điều chỉnh các giá trị **Gain (Tăng cường)**, **Offset (Độ lệch)**, **Hue (Tông màu)** và **Saturation (Độ bão hòa)** và tạo chế độ màu cài sẵn của riêng bạn.





<p>Game Enhance Mode (Chế độ chơi game nâng cao)</p>	<p>Chỉnh Game Enhance Mode (Chế độ chơi game nâng cao) sang Off (Tắt), Timer (Đồng hồ bấm giờ), Frame Rate (Tốc độ khung hình) hoặc Display Alignment (Căn chỉnh màn hình).</p> <ul style="list-style-type: none"> • Off (Tắt): Chọn để tắt các chức năng ở Game Enhance Mode (Chế độ chơi game nâng cao). • Timer (Hẹn giờ): Cho phép bạn tắt hoặc bật bộ hẹn giờ ở góc trên bên trái màn hình. Bộ hẹn giờ hiển thị thời gian trôi qua kể từ khi trò chơi bắt đầu. Chọn một tùy chọn từ danh sách thời lượng để giúp bạn biết thời gian còn lại. • Frame Rate (Tốc độ khung): Chọn On (Bật) cho phép bạn hiển thị các khung hình hiện tại/giây khi chơi game. Tốc độ càng cao thì chuyển động hiển thị càng mượt mà. • Display Alignment (Căn chỉnh màn hình hiển thị): Kích hoạt chức năng này có thể giúp đảm bảo sự liên kết hoàn hảo của các nội dung video từ nhiều màn hình.
<p>AMD FreeSync Premium Pro</p>	<p>Cho phép bạn Bật hoặc Tắt công nghệ AMD FreeSync Premium Pro.</p>
<p>Response Time (Thời gian phản hồi)</p>	<p>Cho phép bạn cài Thời gian phản hồi sang Fast (Nhanh), Super Fast (Siêu nhanh), Extreme (Cực độ) hoặc MPRT.</p>
<p>Dark Stabilizer (Bộ ổn định cảnh tối)</p>	<p>Tính năng này giúp cải thiện khả năng hiển thị trong các tình huống chơi game tối. Giá trị càng cao (từ 0 đến 3) thì khả năng hiển thị trong vùng tối của hình ảnh hiển thị càng rõ nét.</p>



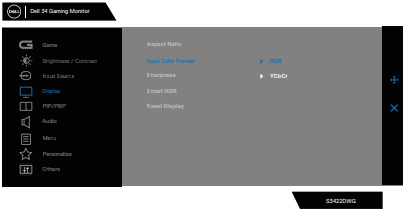


	<p>Hue (Tông màu)</p>	<p>Tính năng này có thể chuyển màu hình ảnh video sang màu lục hoặc màu tím. Tùy chọn này dùng để chỉnh tông màu da mong muốn.</p> <p>Sử dụng nút chuyển hướng để điều chỉnh màu sắc từ 0 đến 100. Di chuyển nút chuyển hướng lên để tăng bóng xanh lục của hình ảnh video.</p> <p>Di chuyển nút chuyển hướng xuống để tăng bóng màu tím của hình ảnh video.</p> <p> LƯU Ý: Tính năng chỉnh tông màu chỉ có sẵn khi bạn chọn chế độ cài sẵn FPS, MOBA/RTS, SPORTS hoặc RPG.</p>
	<p>Saturation (Độ bão hòa)</p>	<p>Tính năng này có thể chỉnh độ bão hòa màu sắc của hình video.</p> <p>Sử dụng nút chuyển hướng để điều chỉnh độ bão hòa từ 0 - 100.</p> <p>Di chuyển nút chuyển hướng lên để tăng hình dạng đa màu sắc của hình video.</p> <p>Di chuyển nút chuyển hướng xuống để tăng hình dạng đơn sắc của hình ảnh video.</p> <p> LƯU Ý: Tính năng chỉnh độ bão hòa chỉ có sẵn khi bạn chọn chế độ cài sẵn FPS, MOBA/RTS, THỂ THAO hoặc RPG.</p>
	<p>Reset Game (Cài lại game)</p>	<p>Cài lại mọi cài đặt trong menu Game (Trò chơi) về giá trị cài đặt gốc.</p>
	<p>Brightness/ Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)</p>	<p>Sử dụng menu này để chỉnh độ sáng và độ tương phản.</p> 
	<p>Brightness (Độ sáng)</p>	<p>Độ sáng sẽ chỉnh cường độ sáng của đèn nền (tối thiểu là 0; tối đa là 100). Di chuyển nút chuyển hướng lên để tăng độ sáng. Di chuyển nút chuyển hướng xuống để giảm độ sáng.</p>




	<p>Contrast (Độ tương phản)</p>	<p>Chỉnh Brightness (Độ sáng) trước rồi chỉnh Contrast (Độ tương phản) chỉ khi cần phải chỉnh thêm.</p> <p>Di chuyển nút chuyển hướng lên để tăng độ tương phản và di chuyển nút chuyển hướng xuống để giảm độ tương phản (từ 0 đến 100).</p> <p>Chức năng Contrast (Độ tương phản) cho phép chỉnh mức độ khác nhau giữa mức sáng và mức tối trên màn hình.</p>
	<p>Input Source (Nguồn vào)</p>	<p>Dùng menu Nguồn vào để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình.</p> 
	<p>DP</p>	<p>Chọn đầu vào DP khi bạn đang sử dụng đầu cắm DP (DisplayPort). Nhấn nút chuyển hướng để xác nhận lựa chọn.</p>
	<p>HDMI 1</p>	<p>Chọn đầu vào HDMI 1 hoặc HDMI 2 khi bạn đang sử dụng đầu cắm HDMI. Nhấn nút chuyển hướng để xác nhận lựa chọn.</p>
	<p>HDMI 2</p>	
	<p>Auto Select (Chọn tự động)</p>	<p>Bật chức năng này để cho phép màn hình tự động quét tìm các nguồn đầu vào khả dụng. Nhấn nút chuyển hướng để xác nhận lựa chọn.</p>
<p>Reset Input Source (Cài lại đầu vào)</p>	<p>Thiết lập lại mọi cài đặt trong menu Input Source (Nguồn đầu vào) về giá trị mặc định gốc.</p>	


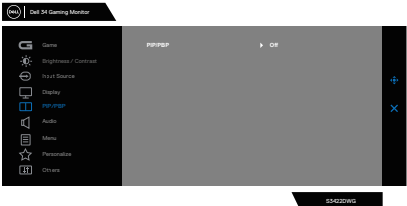






	Display (Hiện thị)	Sử dụng tính năng hiển thị để chỉnh hình ảnh. 
	Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)	Chỉnh tỷ lệ hình sang 21:9, Auto Resize (Tự chỉnh kích cỡ) hoặc 4:3.
	Input Color Format (Định dạng màu sắc đầu vào)	<ul style="list-style-type: none"> • RGB (Đỏ-Lục-Lam): Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính hoặc đầu ghi đa phương tiện hỗ trợ đầu ra RGB. • YCbCr: Chọn tùy chọn này nếu đầu ghi đa phương tiện của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YCbCr. 
	Sharpness (Độ sắc nét)	Giúp hình ảnh thêm sắc nét hoặc mềm mại. Di chuyển nút chuyển hướng lên và xuống để chỉnh độ sắc nét từ '0' đến '100'.


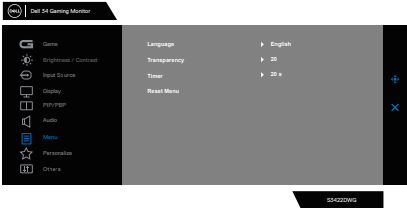




<p>Smart HDR (HDR thông minh)</p>	<p>Di chuyển nút chuyển hướng để chuyển đổi tính năng Smart HDR (HDR thông minh) giữa Desktop (Máy tính để bàn), Movie HDR (HDR phim), Game HDR (HDR game), DisplayHDR và Off (Tắt).</p> <p>HDR (Dải động cao) thông minh tự động tăng cường đầu ra màn hình bằng cách điều chỉnh các cài đặt mở mức tối ưu để giống với hình ảnh sống động như thật.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Desktop (Máy tính để bàn): Đây là chế độ mặc định. Chế độ này phù hợp hơn cho việc sử dụng màn hình chung với máy tính để bàn. • Movie HDR (HDR phim): Sử dụng chế độ này trong khi phát lại nội dung video HDR để phóng to tỷ lệ độ tương phản, độ sáng và bảng màu. Nó phù hợp với chất lượng video bằng các hình ảnh như thật. • Game HDR (HDR game): Sử dụng chế độ này khi chơi các trò chơi hỗ trợ HDR để phóng to tỷ lệ độ tương phản, độ sáng và bảng màu. Nó giúp cho trải nghiệm chơi game thực tế hơn như dự định của các nhà phát triển trò chơi. • DisplayHDR 400: Được sử dụng tốt nhất với nội dung tuân thủ các chuẩn DisplayHDR 400. • Off (Tắt): Đã tắt chức năng HDR thông minh. <p> LƯU Ý: Độ sáng tối đa có thể xuất hiện trong chế độ HDR là 500 nit (chuẩn). Giá trị thực và thời lượng trong khi phát lại HDR có thể thay đổi tùy theo nội dung video.</p>
<p>Reset Display (Cài lại hiển thị)</p>	<p>Chọn tùy chọn này để phục hồi các cài đặt mặc định của màn hình.</p>





	<p>PIP/PBP</p>	<p>Cho phép bạn xem nhiều hình ảnh hơn cùng một lúc.</p> 																			
	<p>PIP/PBP Mode (Chế độ PIP/PBP)</p>	<p>Điều chỉnh chế độ PIP hoặc PBP. Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn Off (Tắt).  LƯU Ý: Tính năng FreeSync bị tắt khi bật PIP/PBP.</p>																			
	<p>PIP/PBP (Sub) (Cửa sổ phụ PIP/PBP)</p>	<p>Chọn giữa các tín hiệu video DP, HDMI1 hoặc HDMI2 có thể được kết nối với màn hình cho cửa sổ phụ PIP/PBP.</p> <table border="1" data-bbox="396 651 908 770"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Cửa sổ chính</th> <th colspan="3">Cửa sổ phụ</th> </tr> <tr> <th>DP</th> <th>HDMI1</th> <th>HDMI2</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>DP</td> <td>—</td> <td>✓</td> <td>✓</td> </tr> <tr> <td>HDMI1</td> <td>✓</td> <td>—</td> <td>✓</td> </tr> <tr> <td>HDMI2</td> <td>✓</td> <td>✓</td> <td>—</td> </tr> </tbody> </table>	Cửa sổ chính	Cửa sổ phụ			DP	HDMI1	HDMI2	DP	—	✓	✓	HDMI1	✓	—	✓	HDMI2	✓	✓	—
Cửa sổ chính	Cửa sổ phụ																				
	DP	HDMI1	HDMI2																		
DP	—	✓	✓																		
HDMI1	✓	—	✓																		
HDMI2	✓	✓	—																		
	<p>Video Swap (Hoán đổi video)</p>	<p>Chọn để hoán đổi các video giữa cửa sổ chính và cửa sổ phụ ở chế độ PIP/PBP.</p>																			
	<p>Audio (Âm thanh)</p>	<p>Cho phép bạn cài chế độ Âm thanh chính hoặc Phụ</p>																			
	<p>Contrast (Sub) (Độ tương phản phụ)</p>	<p>Chỉnh độ tương phản của hình ở chế độ PIP/PBP.  LƯU Ý: Khi áp dụng khi người dùng bật PIP/ PBP.</p>																			
	<p>Audio (Âm thanh)</p>																				

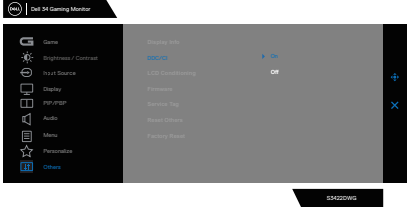



	Volume (Âm lượng)	Cho phép cài mức âm lượng của nguồn ra tai nghe. Sử dụng nút chuyển hướng để điều chỉnh mức âm lượng từ 0 - 100.
	Reset Audio (Cài lại âm thanh)	Cài lại mọi cài đặt trong menu Audio (Âm thanh) về giá trị cài đặt gốc.
	Menu	Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt của menu OSD, chẳng hạn như ngôn ngữ menu OSD, thời lượng mà menu này tiếp tục hiển thị trên màn hình, v.v... 
	Language (Ngôn ngữ)	Thiết lập màn hình OSD sang 1 trong 8 ngôn ngữ. (Anh, Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha Brazil, Nga, Trung Giản Thể hoặc Nhật).
	Transparency (Độ trong suốt)	Chọn tùy chọn này để thay đổi độ trong suốt của menu bằng cách di chuyển nút chuyển hướng lên hoặc xuống (tối thiểu 0/tối đa 100).
	Timer (Hẹn giờ)	Thời gian chờ hiển thị trên màn hình (OSD): Thiết lập thời lượng để menu OSD vẫn hoạt động sau khi bạn nhấn nút. Di chuyển nút chuyển hướng để chỉnh thanh trượt tăng thêm 1 giây, từ 5 đến 60 giây.
	Reset Menu (Cài lại menu)	Cài lại mọi cài đặt trong menu Reset (Cài lại) về giá trị mặc định gốc.
	Personalize (Cá nhân hóa)	Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt cá nhân. 



	Shortcut Key 1 (Phím tắt 1)	Chọn từ Preset Modes (Chế độ cài sẵn), Game Enhance Mode (Chế độ tăng cường trò chơi),
	Shortcut Key 2 (Phím tắt 2)	AMD FreeSync Premium Pro, Dark Stabilizer (Bộ ổn định cảnh tối), Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản), Input Source (Nguồn vào), Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình), Smart HDR (HDR thông minh), Volume (Âm lượng), Downlight (Đèn nền) để cài làm Shortcut Key (Phím tắt).
	Shortcut Key 3 (Phím tắt 3)	
	Power Button LED (Đèn LED nút nguồn)	Cho phép bạn cài trạng thái đèn nguồn để tiết kiệm điện.
	USB	Cho phép bạn cài USB sang On During Standby (Bật khi chờ) hoặc Off During Standby (Tắt khi chờ) để tiết kiệm điện.
	Downlight (Đèn nền)	Cho phép bạn bật hoặc tắt các đèn nền ở phía dưới màn hình. Khi các đèn nền đang bật, chúng sẽ chiếu sáng màu xanh lam. Để tắt cảm biến tiếp xúc, hãy chọn Off (Tắt) . 🖋️ LƯU Ý: Trên các mẫu màn hình được sản xuất từ tháng 7 năm 2021, bạn chỉ có thể bật hoặc tắt đèn chiếu sáng bằng menu OSD.
	Reset Personalization (Cài lại cá nhân hóa)	Cài lại mọi cài đặt trong menu Personalize (Cá nhân hóa) về giá trị cài đặt gốc.
	Others (Khác)	Thay đổi cài đặt menu OSD, như DDC/CI, LCD conditioning (Điều tiết màn hình LCD), v.v... 
	Display Info (Hiển thị thông tin)	Hiển thị các cài đặt hiện tại của màn hình.



<p>DDC/CI</p>	<p>DDC/CI (Kênh dữ liệu hiển thị/Giao diện lệnh) cho phép bạn điều chỉnh các thông số màn hình (độ sáng, cân bằng màu sắc, v.v...) qua phần mềm trên máy tính. Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn Off (Tắt). Bật tính năng này để có trải nghiệm sử dụng tốt nhất và tối ưu hóa hiệu suất màn hình.</p> 
<p>LCD Conditioning (Điều tiết màn hình LCD)</p>	<p>Giúp giảm bớt các trường hợp lưu giữ ảnh không đáng kể. Tùy vào mức độ lưu giữ ảnh, chương trình có thể mất một lúc để khởi động. Bạn có thể bật tính năng này bằng cách chọn On (Bật).</p> 
<p>Firmware (Phần sụn)</p>	<p>Hiển thị phiên bản phần sụn về màn hình.</p>
<p>Service Tag (Thẻ dịch vụ)</p>	<p>Hiển thị số thẻ dịch vụ của màn hình. Thẻ dịch vụ là mã nhận dạng chữ số duy nhất cho phép Dell xác định thông số sản phẩm và truy cập thông tin bảo hành.</p> <p>📌 LƯU Ý: Thẻ dịch vụ cũng được in trên một chiếc nhãn nằm ở phía sau phần nắp.</p>
<p>Reset Others (Cài lại tùy chọn khác)</p>	<p>Cài lại mọi cài đặt trong các menu cài đặt khác về giá trị cài đặt gốc.</p>



	Factory Reset (Cài về mặc định gốc)	Khôi phục tất cả các giá trị cài sẵn về cài đặt thiết lập mặc định.
--	--	--

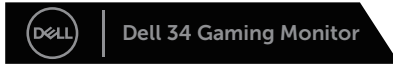
 **LƯU Ý:** Màn hình của bạn tích hợp tính năng tự động chỉnh độ sáng để bù vào tình trạng lão hóa đèn LED.



Thông tin cảnh báo OSD

Khi màn hình không hỗ trợ chế độ phân giải đặc biệt, thông báo sau đây sẽ hiển thị:

Cho DP



The current input timing is not supported by the monitor display. Please change your input timing to 3440x1440, 144Hz or any other monitor listed timing as per the monitor specifications.

S3422DWG

Cho HDMI



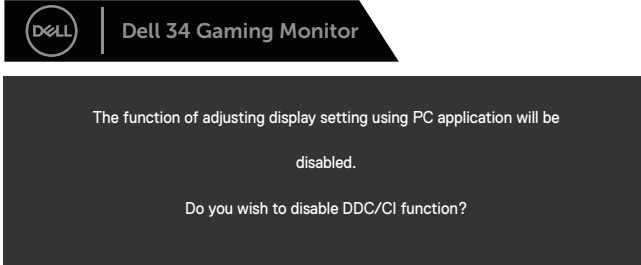
The current input timing is not supported by the monitor display. Please change your input timing to 3440x1440, 100Hz or any other monitor listed timing as per the monitor specifications.

S3422DWG

Điều này nghĩa là màn hình không thể đồng bộ với tín hiệu đang nhận được từ máy tính. Xem [Thông số kỹ thuật màn hình](#) để biết dải tần số Horizontal (Ngang) và Vertical (Dọc) thích hợp cho màn hình này. Chế độ khuyến dùng là 3440 x 1440.

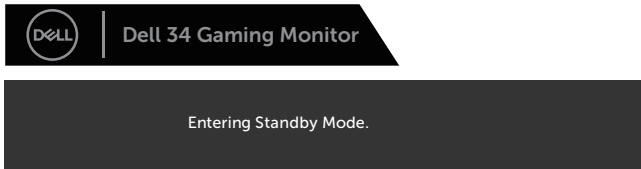


Thông tin sau sẽ hiển thị trước khi tắt chức năng **DDC/CI**:



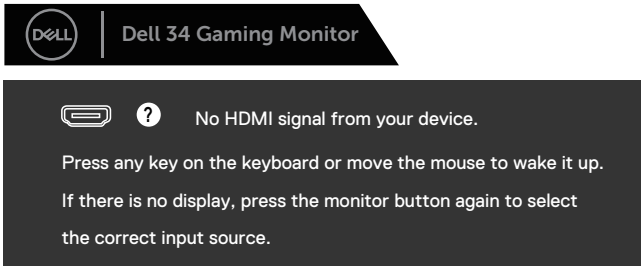
S3422DWG

Khi màn hình vào **Standby Mode (Chế độ chờ)**, thông báo sau sẽ hiển thị:



S3422DWG

Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào ngoại trừ nút nguồn, các thông báo sau đây sẽ hiển thị tùy vào lựa chọn đầu vào:



S3422DWG



Nếu chưa kết nối cáp HDMI hoặc cáp DP, một hộp thoại nổi như hình minh họa dưới đây sẽ xuất hiện. Màn hình sẽ vào Standby Mode (Chế độ chờ) sau 4 phút nếu vẫn còn ở trạng thái này.



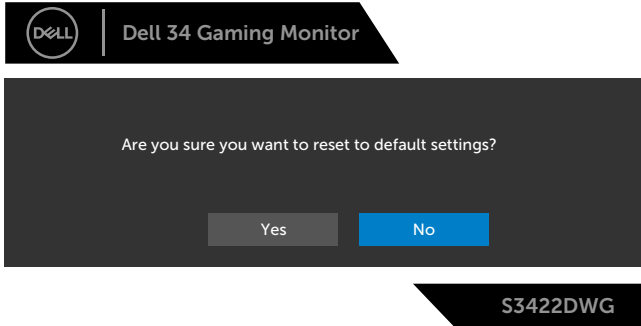
hoặc



hoặc



Khi bạn chọn các mục OSD từ Factory Reset (Cài về mặc định gốc) trong tính năng Other (Khác), thông báo sau đây sẽ hiển thị:



Xem [Khắc phục sự cố](#) để biết thêm thông tin.



Thiết lập màn hình của bạn

Cài đặt độ phân giải tối đa

Để cài độ phân giải tối đa cho màn hình:

Trên Windows 7, Windows 8, Windows 8.1 và Windows 10:

1. Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Màn hình nền để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp phải vào màn hình nền và nhấp **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)**.
3. Nhấp danh sách Độ phân giải sẵn có xuống và chọn **3440 x 1440**.
4. Nhấp **OK**.

Nếu không nhìn thấy **3440 x 1440** như một tùy chọn thì bạn có thể cần cập nhật driver đồ họa. Tùy vào máy tính của bạn, hãy hoàn tất một trong các quy trình sau:

Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell:

- Truy cập www.dell.com/support, nhập thẻ bảo hành máy tính của bạn và tải xuống driver mới nhất cho card đồ họa.

Nếu bạn đang sử dụng máy tính không phải của Dell (máy tính xách tay hoặc máy tính để bàn):

- Truy cập trang web hỗ trợ dành cho máy tính của bạn và tải xuống các driver đồ họa mới nhất.
- Truy cập trang web card đồ họa của bạn và tải xuống các driver đồ họa mới nhất.

Nếu bạn sử dụng máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell có kết nối internet

- Truy cập www.dell.com/support, nhập các chữ hoa đầu tên bạn và tải xuống driver mới nhất cho card đồ họa.

5. Sau khi cài đặt các driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang mức **3440 x 1440**.



LƯU Ý: Nếu bạn không thể cài độ phân giải sang 3440 x 1440, vui lòng liên hệ với Dell để hỏi thông tin về card đồ họa hỗ trợ các độ phân giải này.



Nếu bạn có máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc card đồ họa không phải của Dell

Trên Windows 7, Windows 8, Windows 8.1 và Windows 10:

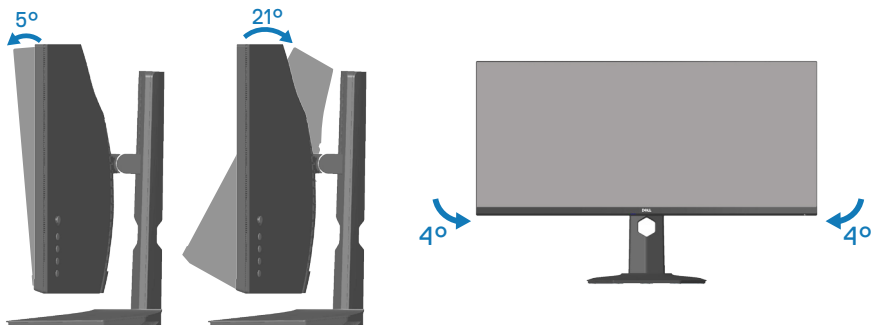
1. Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Màn hình nền để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp chuột phải lên màn hình nền và nhấp **Personalization (Cá nhân hóa)**.
3. Nhấp **Change Display Settings (Đổi cài đặt màn hình)**.
4. Nhấp **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)**.
5. Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ nội dung mô tả ở đầu cửa sổ (ví dụ: NVIDIA, ATI, Intel, v.v...).
6. Tham khảo trang web của nhà cung cấp card đồ họa để tải driver cập nhật(chẳng hạn, www.ATI.com HOẶC www.AMD.com).
7. Sau khi cài đặt các driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang mức **3440 x 1440**.



Sử dụng tính năng mở rộng nghiêng và dọc

- ✎ **LƯU Ý:** Những giá trị này áp dụng đối với chân đế được gửi kèm màn hình của bạn. Để thiết lập với bất kỳ giá đỡ nào khác, xem tài liệu hướng dẫn được gửi kèm theo giá đỡ.

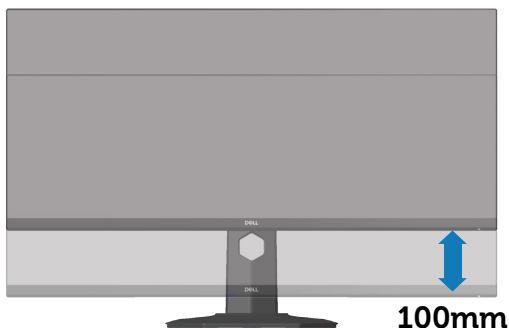
Mở rộng nghiêng



- ✎ **LƯU Ý:** Giá đỡ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.
- ✎ **LƯU Ý:** Góc nghiêng của màn hình này là khoảng -4° đến $+4^\circ$, vì vậy nó không cho phép các chuyển động trục xoay.

Kéo dài chiều dọc

- ✎ **LƯU Ý:** Chân đế này có thể được kéo dài theo chiều dọc lên tới 100 mm.



Khắc phục sự cố

⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bạn bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy thực hiện theo [Hướng dẫn an toàn](#).

Tự kiểm tra

Màn hình cung cấp tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình có đang hoạt động thích hợp hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, hãy chạy tùy chọn tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện theo các bước sau:

1. Tắt máy tính lẫn màn hình.
2. Rút mọi loại cáp video ra khỏi màn hình. Theo cách này, máy tính sẽ không có sự kết nối liên quan.
3. Bật màn hình.

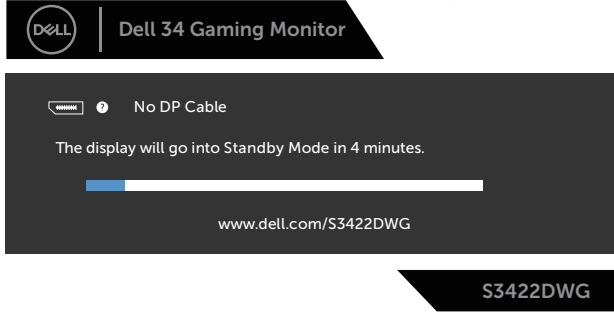
Nếu màn hình đang hoạt động thích hợp thì phát hiện không có tín hiệu và thông báo sau đây sẽ hiển thị. Khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn sẽ vẫn có màu trắng.



hoặc



hoặc



LƯU Ý: Hộp thoại này cũng hiển thị trong khi sử dụng hệ thống bình thường, nếu cáp video bị rút ra hoặc bị hỏng.

4. Tắt màn hình và cắm lại cáp video; sau đó, bật cả máy tính và màn hình của bạn.

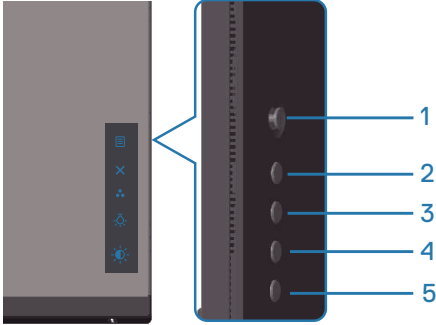
Nếu màn hình vẫn còn đen sau khi bạn cắm lại các loại cáp, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính.



Chẩn đoán tích hợp

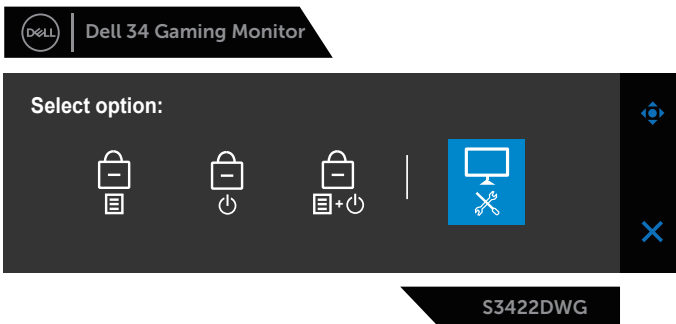
Màn hình của bạn tích hợp hệ chẩn đoán giúp bạn xác định xem mọi bất thường màn hình gặp phải có phải là sự cố thường gặp của màn hình, hoặc máy tính và card video hay không.

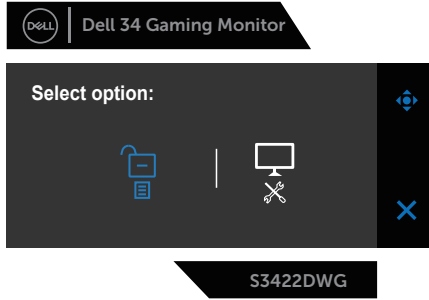
LƯU Ý: Bạn chỉ có thể chạy công cụ chẩn đoán tích hợp khi đã rút cáp video và màn hình đang ở chế độ tự kiểm tra.




Để chạy công cụ chẩn đoán tích hợp:

1. Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có các hạt bụi trên bề mặt màn hình).
2. Rút (các) cáp video khỏi mặt sau máy tính hoặc màn hình. Màn hình lúc này chuyển sang chế độ tự kiểm tra.
3. Nhấn và giữ nút Thoát (nút 5) trong bốn giây để vào menu khóa/mở khóa OSD.





4. Chọn biểu tượng  chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.
5. Kiểm tra kỹ màn hình để phát hiện các bất thường.
6. Ấn lại nút Phải (nút 1) ở nắp đậy phía sau. Màu màn hình sẽ đổi sang màu xám.
7. Kiểm tra màn hình để phát hiện mọi bất thường.
8. Lặp lại bước 6 và 7 để kiểm tra nội dung hiển thị trong các màn hình màu đỏ, lục, lam, đen, trắng và kiểu văn bản.

Quy trình kiểm tra sẽ hoàn tất khi màn hình kiểu văn bản hiển thị. Để thoát, nhấn lại nút Up (Lên) (nút 1).

Nếu không phát hiện bất cứ bất thường nào đối với màn hình sau khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp thì màn hình đang hoạt động thích hợp. Kiểm tra card video và máy tính.

Các sự cố thường gặp

Bảng sau đây cung cấp thông tin chung về các sự cố màn hình thường gặp mà bạn có thể gặp phải và các giải pháp khả thi:

Triệu chứng thường gặp	Giải pháp khả thi
Không có đèn LED video/Đèn LED nguồn tắt	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo cáp video đang kết nối với màn hình, và máy tính được kết nối đúng cách và an toàn. • Kiểm tra xem ổ cắm điện có đang hoạt động đúng cách với bất kỳ thiết bị điện nào khác hay không. • Đảm bảo đã nhấn nút nguồn. • Đảm bảo chọn nguồn vào phù hợp qua menu Input Source (Nguồn vào).



Không có đèn LED video/Đèn LED nguồn bật	<ul style="list-style-type: none"> • Tăng các nút chỉnh độ sáng và độ tương phản qua menu OSD. • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra. • Kiểm tra xem các chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu nối cáp video hay không. • Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp. • Đảm bảo chọn nguồn vào phù hợp qua menu Input Source (Nguồn vào).
Lấy nét kém	<ul style="list-style-type: none"> • Rút cáp mở rộng video. • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài về mặc định gốc)). • Đổi độ phân giải video sang tỷ lệ khung hình thích hợp.
Video rung/chập chờn	<ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài về mặc định gốc)). • Kiểm tra các yếu tố môi trường. • Di chuyển màn hình sang vị trí khác và thử ở một phòng khác.
Thiếu điểm ảnh	<ul style="list-style-type: none"> • Chu kỳ bật/tắt nguồn. • Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD. • Để biết thêm thông tin về Chính Sách Chất Lượng và Điểm Ảnh Màn Hình Del, xem trang Hỗ trợ Dell tại: www.dell.com/support/monitors.
Điểm ảnh bị dính	<ul style="list-style-type: none"> • Chu kỳ bật/tắt nguồn. • Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD. • Để biết thêm thông tin về Chính Sách Chất Lượng và Điểm Ảnh Màn Hình Del, xem trang Hỗ trợ Dell tại: www.dell.com/support/monitors
Sự cố độ sáng	<ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài về mặc định gốc)). • Chỉnh các mức độ sáng & độ tương phản qua menu OSD.



Méo hình	<ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài về mặc định gốc)). • Chỉnh các nút điều khiển ngang & dọc qua menu OSD.
Đường ngang/dọc	<ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài về mặc định gốc)). • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem các đường này có ở chế độ tự kiểm tra hay không. • Kiểm tra xem các chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu nối cáp video hay không. • Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.
Sự cố đồng bộ hóa	<ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài về mặc định gốc)). • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình chồng lấp có hiển thị ở chế độ tự kiểm tra hay không. • Kiểm tra xem các chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu nối cáp video hay không. • Khởi động lại máy tính ở chế độ an toàn.
Sự cố liên quan đến an toàn	<ul style="list-style-type: none"> • Không thực hiện bất kỳ bước khắc phục sự cố nào. • Liên hệ ngay với Dell.
Sự cố gián đoạn	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn. • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài về mặc định gốc)). • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem sự cố gián đoạn có xuất hiện ở chế độ tự kiểm tra hay không.
Thiếu màu sắc	<ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra. • Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn. • Kiểm tra xem các chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu nối cáp video hay không.



Màu sắc không đúng	<ul style="list-style-type: none"> • Thử dùng Preset Modes (Chế độ cài sẵn) khác nhau trong menu OSD cài đặt Color (Màu sắc). Chỉnh giá trị R/G/B trong chế độ Custom Color (Tự phối màu) trong OSD cài đặt Color (Màu sắc). • Đổi Input Color Format (Định dạng màu vào) sang RGB hoặc YPbPr trên OSD cài đặt Color (Màu sắc). • Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.
Lỗi giữ ảnh từ ảnh tĩnh vẫn còn lưu giữ trên màn hình trong một thời gian dài	<ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình để tự tắt sau vài phút ở chế độ chờ. Có thể điều chỉnh tính năng này trong cài đặt Windows Power Options hoặc Mac Energy Saver. • Ngoài ra, cũng có thể sử dụng chức năng bảo vệ màn hình thay đổi tự động.
Bóng mờ hoặc phủ quá rộng video	<ul style="list-style-type: none"> • Đổi Response Time (Thời gian phản đáp) trên menu OSD Display (Hiển thị) sang Normal (Thường), Fast (Nhanh) hoặc Extreme (Cực độ) tùy vào ứng dụng và cách sử dụng của bạn.



Sự cố liên quan đến sản phẩm

Triệu chứng cụ thể	Giải pháp khả thi
Ảnh màn hình quá nhỏ	<ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra cài đặt Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình) trên menu OSD cài đặt Display (Hiển thị).• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài về mặc định gốc)).
Không thể điều chỉnh màn hình bằng các nút phía dưới.	<ul style="list-style-type: none">• Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại rồi bật lại màn hình.• Kiểm tra xem menu OSD có bị khóa hay không. Nếu có, nhấn và giữ nút menu trong 6 giây để mở khóa.
Không có tín hiệu đầu vào khi nhấn các nút điều khiển người dùng	<ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ chờ hoặc không hoạt động bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím.• Kiểm tra xem cáp video có được cắm thích hợp hay không. Ngắt và kết nối lại cáp video nếu cần.• Khởi động lại máy tính hoặc đầu phát video.
Ảnh không hiển thị toàn màn hình	<ul style="list-style-type: none">• Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của các đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị trên toàn màn hình.• Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.



Phụ lục

Hướng dẫn an toàn

⚠ CẢNH BÁO: Sử dụng các nút điều khiển, điều chỉnh hoặc các quy trình khác ngoài các quy trình được nêu rõ trong tài liệu này có thể khiến người dùng dễ bị điện giật, gặp các rủi ro về điện và/hoặc cơ học.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, xem **Thông tin về an toàn, môi trường và quy định (SERI)**.

Thông báo FCC (chỉ áp dụng ở Mỹ) và thông tin quy định khác

Để biết các thông báo FCC và thông tin quy định khác, xem trang web tuân thủ quy định tại www.dell.com/regulatory_compliance

Vui lòng làm theo những hướng dẫn an toàn này để có hiệu năng tốt nhất và tuổi thọ lâu cho màn hình của bạn:

1. Lỗ cắm ổ điện nên được lắp đặt gần thiết bị và phải dễ tiếp cận.
2. Thiết bị có thể được gắn trên tường hoặc giá treo trần nhà ở vị trí nằm ngang.
3. Màn hình được trang bị chân cắm ba chạc, một đầu cắm với chân cắm thứ ba (Tiếp đất).
4. Không được sử dụng sản phẩm này gần với nước.
5. Đọc kĩ hướng dẫn sử dụng. Giữ lại giấy tờ này để tham khảo trong tương lai. Làm theo các cảnh báo và hướng dẫn được đánh dấu trên sản phẩm.
6. Các áp suất âm thanh quá mức từ tai nghe có thể làm mất thính giác. Điều chỉnh bộ hiệu chỉnh để tăng tối đa lượng điện áp ra của tai nghe, dẫn đến tăng mức áp suất âm thanh.



Liên hệ với Dell

Đối với các khách hàng ở Mỹ, hãy gọi số 800-WWW-DELL (800-999-3355).

 **LƯU Ý:** Nếu không có kết nối Internet hoạt động, bạn có thể tìm thấy thông tin liên lạc trên hóa đơn mua hàng, danh sách đóng gói, hóa đơn hoặc danh mục sản phẩm Dell của mình.

Dell cung cấp nhiều tùy chọn dịch vụ và hỗ trợ qua mạng và qua điện thoại. Khả năng có sẵn dịch vụ khác nhau ở mỗi quốc gia và sản phẩm, một số dịch vụ có thể không có sẵn tại khu vực của bạn.

Để tải nội dung hỗ trợ màn hình trực tuyến:

1. Truy cập www.dell.com/support/monitors

Để liên hệ với Dell về vấn đề bán hàng, hỗ trợ kỹ thuật hoặc dịch vụ khách hàng:

1. Truy cập www.dell.com/support
2. Xác nhận quốc gia hoặc khu vực của bạn trong danh sách **Choose A Country/Region (Chọn quốc gia/khu vực)** sổ xuống ở cuối trang web.
3. Nhấp **Contact Us (Liên hệ)** ở bên trái trang web.
4. Chọn liên kết hỗ trợ hoặc dịch vụ phù hợp theo nhu cầu của bạn.
5. Chọn cách liên hệ với Dell mà tiện lợi cho bạn.

Cơ sở dữ liệu sản phẩm của EU về nhãn năng lượng và bảng thông tin sản phẩm

S3422DWG: <https://eprel.ec.europa.eu/qr/463492>



Nguy cơ về sự ổn định

Sản phẩm có thể rơi, gây thương tích cá nhân nghiêm trọng hoặc tử vong. Để ngăn ngừa thương tích, sản phẩm này phải được gắn chặt vào sàn/tường nhà theo hướng dẫn lắp đặt.

Sản phẩm có thể rơi, gây thương tích cá nhân nghiêm trọng hoặc tử vong. Có thể tránh được nhiều thương tích, đặc biệt là trẻ nếu áp dụng các biện pháp phòng ngừa đơn giản sau:

LUÔN sử dụng các loại tủ hoặc giá đỡ hoặc phương pháp lắp đặt được khuyến dùng bởi nhà sản xuất liên quan.

LUÔN dùng vật dụng có thể đỡ sản phẩm an toàn.

LUÔN đảm bảo sản phẩm không được treo nhô ra ngoài gờ vật dụng đỡ.

LUÔN dạy trẻ về các nguy cơ khi trèo lên các vật dụng để tiếp cận sản phẩm hoặc các nút điều khiển liên quan.

LUÔN bố trí hợp lý các loại dây và cáp kết nối với sản phẩm để chúng không thể bị vấp phải, bị kéo hoặc bị nắm.

ĐỪNG BAO GIỜ đặt sản phẩm ở vị trí không ổn định.

ĐỪNG BAO GIỜ đặt sản phẩm trên vật dụng cao (như tủ chén hoặc tủ sách) nếu không gắn chặt cả vật dụng và sản phẩm vào giá đỡ thích hợp.

ĐỪNG BAO GIỜ đặt sản phẩm trên khăn vải hoặc các vật liệu khác có thể được đặt ở giữa sản phẩm và vật dụng đỡ.

ĐỪNG BAO GIỜ đặt các vật dụng có thể khiến trẻ em thích trèo lên, chẳng hạn như đồ chơi và điều khiển từ xa, lên trên sản phẩm hoặc vật dụng có đặt sản phẩm.

Nếu sản phẩm hiện tại sẽ được giữ lại và di dời, bạn cũng nên xem xét các biện pháp an toàn vừa nêu.

